

# “VIỆT NAM ĐIỀU TÀN- BẤT HẠNH” (Phần Một, Giai Đoạn Một)

Nguyễn Thuyên

## PHẦN MỘT

### SỰ XUẤT HIỆN CỦA HỒ CHÍ MINH

Giai Đoạn 1 : Từ Năm 1890 – 1931

#### Sự Xuất Hiện Của Hồ Chí Minh

##### A. HỒ CHÍ MINH XUẤT HIỆN



Nguyễn Sinh Cung ra chào đời tại một thôn hẻo lánh nghèo nàn, đất đai cằn cỗi, lúa thừa thuộc làng Sen. Đây là một ngôi làng buồn thiu, ao tù nước đọng, nằm cạnh dãy Trường Sơn, phía đông giáp biển Nam Hải với những ghềnh đá lởm chởm sóng bủa quanh năm. Làng Sen (Kim Liên), Huyện Nam Đàn thuộc tỉnh Nghệ An, một tỉnh nằm về phía Bắc Trung phần Việt Nam vốn nổi tiếng là vùng đất từng sản sinh nhiều anh hùng hào kiệt trong lịch sử đấu tranh giữ nước, chống ngoại xâm.

Hồ Chí Minh được sinh trên mảnh đất này nên đam sử nô, văn nô Cộng Sản Việt Nam đã không ngưng miệng triệt để khai thác sự kiện đó để phủ dụ mọi người tin rằng Hồ Chí Minh là một nhân kiệt của lịch sử đất nước. Bởi lẽ ấy, thiết tưởng cũng nên điểm qua vài nét về vùng đất hơi đặc biệt này.

Về mặt địa lý thiên nhiên, Nghệ An không phải là mảnh đất nổi tiếng về danh lam thắng cảnh với những cảnh trí thiên

nhiên đẹp tuyệt trần như vịnh Hạ Long, vịnh Cam Ranh, Đại Lãnh hay Nha Trang. Trái lại, Nghệ An xưa với tất cả những đặc tính khắc nghiệt của nó, đã được mệnh danh là vùng “Rừng Chết” với những khu rừng dày đặc, những vùng đầm lầy đầy dẫy thú dữ, rắn rết, côn trùng độc hại, nằm dưới chân dãy Trường Sơn; đất đai nứt nẻ, khô cằn sỏi đá, cỏ cây khô cháy, người và súc vật bị ngạt thở vì những đợt gió Lào khô và nóng như lửa vào mùa Hạ. Địa phương này không được thiên nhiên ưu đãi, không tìm đâu ra những cánh đồng mầu mỡ bạt ngàn để canh tác trồng trọt. Vì vậy, người dân trong vùng lúc nào cũng sống trong cảnh nghèo đói, vất vả, chảy máu mắt mới tạo được chút gì từ mấy vạt đất khô, cằn cỗi không thu hoạch đủ ăn, quanh năm vất vả – nên có câu thơ rằng:

“Làng Sen đóng khó thay quần,  
Ít cơm, thiếu áo, tảo tằn quanh năm”

Có lẽ chính vì phong thổ bất lợi đến như thế mà hầu hết người dân ở đây nổi tiếng là những con người chịu đựng, có tinh thần mạnh mẽ tranh đấu chống lại những khắc nghiệt của thiên nhiên để tồn tại. Lại nữa, và có lẽ cũng nhờ được tôi luyện trong khắc khổ, đất Nghệ là nơi nổi tiếng là “địa linh nhân kiệt”. Lịch sử đấu tranh của dân tộc đã cho thấy rõ điều đó. Nhiều tướng lãnh vua chúa Việt Nam đã từng xây dựng căn cứ địa tại xứ Nghệ để chiến đấu, ngăn chặn các cuộc tiến chiếm xuống phía Nam của quân binh triều đình Trung Quốc. Lịch sử cận đại cũng cho thấy trong thời kỳ thống trị của thực dân Pháp nhiều phong trào yêu nước cũng phát xuất từ vùng nghèo đói khắc khổ này.

Nghệ An là vùng đất của đất nước sản sinh được nhiều anh hùng kiệt xuất có công lớn trong việc giữ gìn nước non bờ cõi. Cộng Sản Việt Nam đã khai thác đặc điểm “địa linh nhân kiệt” này để quảng cáo cho sự chào đời của Nguyễn Sinh Cung, thêu dệt, đánh bóng con người gian hùng ngoại hạng này để đặt lên hàng “nhân kiệt” của đất nước.

Do tề sùng bái, tôn vinh lãnh tụ, Cộng Sản Nga với Lenin, Stalin, Cộng Sản Tàu với Mao Trạch Đông. Nhưng lịch sử đã chứng minh Lenin, Stalin, Mao Trạch Đông, Hồ Chí Minh và lãnh tụ Đảng Cộng Sản các nước... đều là những tay đồ tể, giết người hàng loạt, như tên Pol Pot ở xứ chùa Tháp là rõ ràng nhất (1975-1978) đã giết đến 2 triệu dân lành trong khi dân số toàn quốc chỉ có 7 triệu.

Một quyển sách đã xuất bản tại Paris mang tên “Le Livre Noir du Communisme” (Cuốn sổ đen của Chủ Nghĩa Cộng Sản), dày 848 trang do các sử gia Pháp biên soạn. Nhằm nghiên cứu lại lịch sử Liên Bang Xô Viết, Trung Quốc, Việt Nam, Đông Âu và các phong trào Cộng Sản, lần đầu tiên ước lượng tổng số nạn nhân của chủ nghĩa chuyên chế trên toàn cầu trong thế kỷ 20 đã giết trên 100 triệu người.

Trong lời mở đầu, Sử gia Stephane Courtoir có đoạn viết: “Các chế độ Cộng Sản đã gây nên cái chết trên 100 triệu người. Họ đã sử dụng những phương pháp do Lenin đưa ra, được Stalin hoàn hảo hoá. Những phương pháp này chẳng những gợi đến những phương pháp của Đức-quốc-xã, mà còn có phần vượt quá Đức-quốc-xã...”. Riêng tại Liên-xô – Văn hào Nga Soljenitsyne, tác giả của L’Archipel des Goulags (Quần đảo ngục tù), đã ước tính từ năm 1917 đến 1991 chế độ Cộng Sản đã sát hại trực tiếp hay gián tiếp khoảng 60 triệu.

Điều đáng nói là các tác giả viết quyển sách này trước đây đều là những người thân Cộng sản. Từ năm 1989, khi các chế độ Cộng Sản Đông Âu sụp đổ, họ tự đặt câu hỏi và đi tìm tài liệu khắp nơi, khắp các thư viện, họ chỉ muốn nhân danh sự thật để nói lên tội ác ghê gớm nhất, “Tội ác chống nhân loại” của chủ nghĩa Cộng Sản.

Đất Nghệ là đất của nhiều anh hùng kiệt xuất Việt Nam, nhưng không phải vì được sinh ra tại đây mà một con người bản chất gian hùng, chỉ vì mưu sinh, thù hận, thiên cặn, nông nổi, đã đem cả dân tộc đặt vào gông xiềng Cộng Sản ngót nửa thế kỷ nay như Hồ Chí Minh lại được tôn vinh là nhân kiệt của Việt Nam, và “vĩ nhân” thế giới. Thật là một điều trái ngược, để lịch sử khỏi nhầm lẫn, chúng ta nên tìm hiểu sự thật.

Nguyễn Sinh Cung xuất thân trong một gia đình Nho giáo, thân phụ là Nguyễn Sinh Huy, tên thường gọi, còn tên trong sổ bộ là Nguyễn Sinh Sắc. Nguyễn Sinh Sắc là con vợ thứ của Nguyễn Sinh Nhậm một nông dân ở Làng Kim Liên, Tổng Lâm Thịnh, Huyện Nam Đàn Tỉnh Nghệ An. Nguyễn Sinh Nhậm và người vợ thứ chết sớm khi Nguyễn Sinh Sắc mới được 3 tuổi. Bởi thế nên phải sống nhờ vào người anh cùng cha khác mẹ tên là Thuyết tức Trợ

Gần làng Sen, có ông Hoàng Xuân Đường dạy học gọi là Đồ Đường, thương tình Nguyễn Sinh Sắc cô cút, Đồ Đường đem về nuôi dạy. Thấy Sắc thông minh, chăm chỉ học hành nên gả luôn con gái cho Sắc, dù năm ấy cô Hoàng Thị Loan mới 13 tuổi. Sắc ở rể nhà vợ từ đó.

Đến năm 1884 sinh người con gái đầu lòng tên Nguyễn thị Thanh. Năm 1888 sinh tiếp người con trai tên Nguyễn Sinh

Khiêm tức Tất Đạt, kể đến là Nguyễn Sinh Cung tức Nguyễn Tất Thành – (Hồ Chí Minh). Năm 1894 Nguyễn Sinh Sắc đỗ Cử Nhân, nhưng hỏng tiếp hai khóa thi Hội năm 1895, 1898. Sau đó mới đỗ Phó Bảng vào năm 1901.

Nguyễn Sinh Cung không may gặp cảnh bất hạnh, mẹ mất sớm (Hoàng thị Loan chết năm 1901 vì bạo bệnh), cha vì sinh kế xa nhà, thiếu sự săn sóc dạy dỗ. Từ thuở ấu thơ, Cung sống trong cảnh bơ vơ lạc lõng, tâm tư buồn nản, lắm khi bất mãn cuộc đời. Học xong tiểu học tại trường làng, Nguyễn Sinh Cung vừa bước vào trường Trung học ở Huế, thì cha Nguyễn Sinh Huy bị triều đình thải hồi.

Nguyễn Sinh Huy được bổ làm Tri Huyện Bình Khê, tỉnh Bình Định. Nhưng vào tháng 1/1910 ông bị thi hành kỷ luật rất nặng bởi vì ông đã đánh anh nông dân Tạ Đức Quang bằng roi và gây đến nỗi làm cho anh này chết. Sở Mật Thám mở cuộc điều tra được biết nội vụ xảy ra khi ông Tri huyện say rượu. Hội Đồng Nhiếp Chánh ở Huế quyết định bãi chức Tri Huyện và hạ xuống 4 bậc trong ngành quan lại. Bi kịch này hết sức nặng nề làm đổ vỡ giấc mộng của ông Tri Huyện khi bị thu hồi ấn tín.

Sau đó ông lưu lạc vào Nam sống ngoài lề của bộ máy cai trị trong niềm lo âu, tủi nhục và thiếu thốn. Khi ông Nguyễn Sinh Huy bị bãi chức, áp dụng kỷ luật nên Cung không nơi nương tựa. Cảnh sống nghèo nàn, cha mất việc, lâm vào tình trạng túng quẫn, gia đình Cung bị xóm giềng khinh rẻ, nên Cung liều bỏ xứ ra đi tha phương cầu thực nhưng lòng vẫn ôm ấp một hoài bão lớn, hy vọng mai đây trên đường hoạn lộ có thể gặp bước may tiến thân, tìm được chút “Danh và Lợi”.

Hoài bão lớn ấy thực ra cũng chỉ là nỗi ước ao tiến thân qua ngõ “Thực dân hoạn lộ”, vinh thân phì da bằng nỗ lực tự mình làm cho mình trở thành “hữu dụng” đối với nhà nước Đại Pháp đang đô hộ đất nước.

Nói cho cùng, nhiều khi Sinh Cung cũng nhen nhúm chút ý tưởng cách mạng hóa cuộc đời của mình, thử vùng lên thay đổi mệnh số, đánh canh bạc thời vận, liều lĩnh một phen để tìm lối thoát cho bản thân, bi kịch gia đình bởi người cha làm Tri huyện bị sa thải đã tác động mạnh tạo nên động cơ thúc đẩy Nguyễn Sinh Cung phải xuống tàu bỏ nước ra đi.

Theo các tài liệu tìm thấy, Hồ Chí Minh có các tên:

Nguyễn Sinh Cung, Nguyễn Tất Thành, Nguyễn Văn Ba, Nguyễn Ái Quốc, Paul Thành, Chen Vang tức Trần Vương, Lý Thụy, Tống Văn Sơ (Song Wen Sho), Hồ Chí Minh, Victor Lebon, Lu-Lee, Lin (P.C. Lin hay D.C. Lin), Linov, Niloffsky, Hồ Quang, Ho Ting Ming, Trần Quang, Hoàng Quốc Tuấn...

Bút hiệu Tân Trào

Bút hiệu viết sách:

- Vừa đi đường vừa kể chuyện: **T.Lan**
- 30 năm hoạt động của Đảng Cộng Sản Việt Nam
- Trần Lực
- Những mẫu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ Tịch
- Trần Dân Tiên

Đây là quyển sách trơ trẽn nhất, ô nhục nhất. Tự mình viết tiểu sử của mình để tự tôn vinh mình, tự đề cao mình. Quả thật là một sự phỉ báng đối với lương tri con người.

Thế mà từ trước đến nay hầu hết các tác giả viết về Hồ Chí Minh đều trích dẫn tập sách của Trần Dân Tiên như một thứ thánh kinh.

Con người Cộng Sản quả là gian xảo, khó tin bất cứ về phương diện nào. Bởi chính mình lúc nào cũng gian dối man khai lý lịch, cho nên suy bụng ta ra bụng người, sau này hễ động tới vấn đề lý lịch là Cộng Sản bắt người dân phải khai đi khai lại không biết bao nhiêu lần mà họ vẫn chưa tin là thật!

Mãi đến nay, các sử gia – kể cả bọn sử nô Cộng Sản cũng chưa có đủ chứng liệu đáng tin cậy nhất về ngày sinh, năm sinh của Hồ. Cho nên các nhà nghiên cứu vẫn chưa thể xác định một ngày sinh chính xác mặc dù Hồ Chí Minh đã đích thân ghi năm sinh của mình trong lá đơn gửi xin nhập học trường Thuộc Địa là 1892. Vì bản chất Hồ là đại gian hùng, nên không thể tin được những gì Hồ khai, nhất là về lý lịch?

Một nghi vấn rất quan trọng, cần được nêu lên tại sao có tên Hồ Chí Minh.

Như phần trước chúng tôi nói rõ Hồ Chí Minh có quá nhiều tên – nhưng tại sao lại chọn tên Hồ Chí Minh.

Nói chính danh về họ Nguyễn từ Nguyễn Sinh Cung – Nguyễn Tất Thành, Nguyễn Ái Quốc. Đặc biệt Nguyễn Ái Quốc bút hiệu chung của những người Việt Nam yêu nước đang sống tại Pháp. Nhưng sau đó Nguyễn Tất Thành đã sang đoạt luôn để trở thành tên riêng, nhờ tên Nguyễn Ái

Quốc đã lôi kéo được sự cảm tình của những người Việt Nam ở Pháp. Và chính nhờ tên Nguyễn Ái Quốc mà dư luận chính giới tại Pháp cũng chú ý đến nên Nguyễn Ái Quốc mới được gia nhập vào Đảng Xã Hội Pháp sau đó trở thành thành viên Đảng Cộng Sản Pháp. Hơn nữa tên Nguyễn Ái Quốc khá nổi tiếng lúc bấy giờ và có sức lôi kéo quần chúng. Tên Nguyễn Ái Quốc lại rất hay và có ý nghĩa.

Thế thì, tại sao khi về làm chủ tịch nước Việt Nam Dân Chủ Cộng Hoà lại dùng tên Hồ Chí Minh. Không những thay tên mà còn đổi cả họ. Thực sự bất kỳ chuyện gì liên quan đến Hồ Chí Minh cũng kỳ bí, khó hiểu.

Theo thời gian một phần sự thật được tiết lộ, lý do thay họ đổi tên như sau:

1. Tinh thần quốc gia yêu nước là điều Marx-Lénine căm kỵ nhất – Chủ Nghĩa Quốc Gia cũng là điều Lénine thù ghét nhất, nên không thể dùng tên Nguyễn Ái Quốc.

Việc thay họ đổi tên cho phù hợp với chủ trương của quan thầy Marx-Lénine là điều dễ hiểu. Hồ Chí Minh đã chọn và trung thành với chủ nghĩa Mác-Lê, nên không thể Ái Quốc được. Bởi vì, chủ nghĩa Quốc Tế (Internationalisme) được đề cao. Cách mạng vô sản phải từ bỏ chủ nghĩa Quốc gia(Nationalisme) và phải lên án chủ nghĩa Quốc gia là tư sản phản động.

2. Trong thời gian Hồ bị giam lỏng ở Liễu Châu, Hồ Chí Minh viên tướng Trung Hoa, đã giúp đỡ cho Hồ, dạy Thái cực Quyền cho Hồ, hướng dẫn Hồ tìm hiểu Tam Dân Chủ Nghĩa, nên Hồ tình nguyện dịch Tam Dân Chủ Nghĩa của Tôn Dật Tiên sang tiếng Việt, để nhớ ơn tướng Hồ Chí



Minh nên Hồ đã chọn tên Chí Minh (Hồ Chí Minh). Trong Tập Hội Ký chính trị “Một Con Gió Bụi” của Trần Trọng Kim cũng có nêu lên vấn đề này.

3. Một du học sinh tên Trần Trọng Khác thời Phan Bội Châu cho biết Hồ Chí Minh vốn bí danh của Hồ Học Lãm một Việt Kiều ở Hoa Nam từng sáng lập tổ chức Việt Nam Độc Lập Đồng Minh Hội (tức là Việt Minh).

4. Cộng Sản Việt Nam xác định Nguyễn Tất Thành đã lấy bí danh Hồ Chí Minh vào tháng 8-1942 nhưng không nói tại sao chọn bí danh này.

5. Trong sách Mặt Thật của Thành Tín cho biết :

Nhà sử học Trần Quốc Vượng đã sưu tầm được ở Vùng Kim Liên, Huyện Nam Đàn, Tỉnh Nghệ An quê Ông Hồ, nhiều chuyện đáng chú ý:

Các bậc cao niên trong vùng kể lại rằng: Ông Nguyễn Sinh Huy (tức là Nguyễn Sinh Sắc) thân sinh của ông Hồ, không phải thuộc dòng máu mủ của họ Nguyễn Sinh, mà là con một ông đồ nho, đồ Cử nhân, quê ở làng Quỳnh Đôi, huyện Quỳnh Lưu cùng Tỉnh Nghệ An, tên là Hồ Sĩ Tạo.

Ông Cử Tạo đến nhà họ Hà ở Làng Sài cùng trong xã chung cư với Làng Sen (Kim Liên) để dạy học . Nhà này có cô con gái tên Hà Thị Hy, đàn hay, muá đẹp lại ế chồng.

Ông Cử Tạo đã có vợ con, song trai tài gái sắc ở chung một nhà nên cô Hy có chửa. Ông chủ nhà liền nảy ra “giải pháp” đánh tiếng để gán con gái cho một nông dân làng bên góa vợ. Thế là cô Hy trở thành vợ kế của ông nông dân có tên Nguyễn Sinh Nhậm và sanh ra anh Nguyễn Sinh Sắc. Về sau là thân sinh của ông Hồ. Việc Nguyễn Tất Thành

rời Nguyễn Ái Quốc rời trở thành Hồ Chí Minh có thể là do ông nhớ đến nguồn gốc thật của dòng họ Hồ.

– Còn chọn tên Minh – Theo tài liệu còn lưu trữ tại Moscow ở Nga – Nguyễn Thị Minh Khai là vợ của Hồ Chí Minh, sau mới lấy Lê Hồng Phong – Hà Huy Tập một trong những cán bộ Cộng Sản Việt Nam đầu tiên vào năm 1935 cũng xác nhận như vậy.

Nguyễn Thị Minh Khai là người cùng quê với Hồ đã để lại dấu ấn sâu đậm nhất về tình cảm. Vừa bị Pháp xử bắn vào tháng 8.1941 sau vụ bạo động năm 1940 tại Miền Nam bị thất bại đã thôi thúc Hồ chọn cái tên có liên quan đến Minh Khai để gắn liền với Hồ suốt đời. Đây cũng là sự trùng hợp – đúng một năm sau vào tháng 8-1942, tên Hồ Chí Minh xuất hiện đầu tiên ở Côn Minh thủ phủ tỉnh Vân Nam, còn thêm một lý do nữa là năm 1926, Hồ Chí Minh lấy cô vợ Tàu có tên Tăng Tuyết Minh.

Về năm sanh của Hồ, các sử liệu hiện hữu cho thấy:

1. Sinh năm 1890, căn cứ vào tiết lộ của chính Hồ Chí Minh đội lốt nhà biên khảo Trần Dân Tiên để tự tán tụng mình trong tập ký “Những mẫu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ Tịch”. Năm sinh này được Hà Nội coi là chính thức.

2. Sinh năm 1891, theo Yên Sơn cán bộ tuyên truyền của Cộng Sản trong bài viết “Nguyễn Ái Quốc, một gương sáng cách mạng” và ông Nguyễn sinh Khiêm (Tất Đạt) anh ruột của Hồ Chí Minh cũng khai như vậy.

3. Sinh năm 1892, do Nguyễn Tất Thành ghi trong đơn vị nhập học Trường Thuộc Địa ở Pháp.

4. Sinh năm 1893, do bà Nguyễn Thị Thanh chị ruột của Hồ Chí Minh khai tại Sở Mật Thám Trung Kỳ (Trung Bộ)

5. Sinh năm 1894, theo phúc trình của Sở Kiểm Soát và Trợ Giúp Dân Thuộc Địa (Service de Contrôle et d'Assistance des Indigènes des Colonies Francaises).

6. Sinh năm 1895, trong giấy thông hành qua Nga lần đầu tiên hồi 1923, Hồ mang bí danh Chen Vang và năm sinh là 1895

\*\*\*

\* 1. Sinh ngày 15.1.1894, Nguyễn Tất Thành khai tại sở Cảnh Sát Paris ngày 20.9.1920 – trùng hợp với ngày sinh ghi trong thẻ đọc sách ở thư viện.

\* 2. Sinh ngày 15.2.1895, ghi trong giấy thông hành số 1892 cấp ngày 16.6.1923 của Tòa Đại Sứ Nga tại Berlin mang tên Chen Vang – nghề nghiệp thợ ảnh đi tới Nga.

3. Tháng 3 năm Thành Thái thứ sáu (*theo âm lịch*) tức là tháng 4 năm 1894 (*ương lịch*). Theo sổ bộ hương chức ở Kim Liên – Huyện Nam Đàn – Tỉnh Nghệ An.

\* 4. Sinh ngày 19.5.1890 do Cộng Sản Việt Nam công bố. Cần thêm chi tiết về ngày sinh 19/5 : Ngày 18.5.1946 Cao Ủy Đông Dương, Đô Đốc Thierry d'Argenlieu từ Sài Gòn ra Hà Nội gặp Hồ Chí Minh.

Chuyến đi Hà Nội của Cao Ủy Đông Dương d'Argenlieu đã liên quan đến việc công bố ngày sinh nhật 19.5 của Hồ Chí Minh.

Chiều ngày 17.5. dân chúng Hà Nội bắt buộc phải treo cờ để “mừng sinh nhật Bác” cho tới khi d'Argenlieu trở lại

Sài Gòn. Ý muốn của Hồ Chí Minh chứng tỏ cho d'Argenlieu thấy Hồ vẫn còn đủ uy quyền với dân chúng qua việc treo cờ đón tiếp d'Argenlieu.

Nhưng ngược lại lúc bấy giờ tinh thần chống Pháp rất cao trên toàn quốc. Hồ sợ việc đón tiếp Cao Ủy Pháp tại Đông Dương quá rầm rộ, sẽ bị dân chúng và các tổ chức chống Pháp phản đối, nên Hồ đã dựng lên việc treo cờ để “mừng sinh nhật Bác”.

Nếu sự việc này đúng thì phù hợp với con người xảo trá của Hồ Chí Minh. Tóm lại, vấn đề ngày sinh, tháng sinh, năm sinh của Hồ vì gian trá, nên chẳng cần tra cứu chính xác.

Hồ Chí Minh là con người Cộng Sản Quốc tế tự nhận là học trò của Marx-Lénine, người lấy cứu cánh biện minh cho hành động nên việc công bố ngày sinh nhật 19.5.1890 vào tháng 5.1946 đã đạt được mục tiêu nào đó của nó.

Sau này, Hồ thường không đón ngày sinh nhật ấy ở Bắc Bộ Phủ. Nó vẫn được khai thác rầm rộ làm một ngày lễ lớn hàng năm để bộ đội thi đua bắn giết, công nhân, nông dân thi đua sản xuất gấp đôi, gấp ba. Mọi ngành, mọi giới, mọi cá nhân thi đua lập thành tích để dâng lên Bác. Đây cũng là một hình thức bóc lột trá hình.

Riêng về nơi sinh của Hồ Chí Minh, mọi người đều gần như thống nhất về sinh quán của Hồ là làng Sen (*Kim Liên*) huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An.

Sự việc đã được trình bày như trên, vậy ngày Hồ Chí Minh qua Pháp bằng cách làm bồi dưới tàu Amiral Latouche-Tréville của hãng Chargeurs Réunis năm 1911

(Hồ Chí Minh trên 20 tuổi). với luận điệu tô son, trét phấn của Cộng sản Việt Nam. Dựng lên huyền thoại “*Bác xuất dương tìm đường cứu nước*”, có đúng không?

Với số tuổi đôi mươi, chắc Hồ Chí Minh phải biết tại đất nước Việt Nam, ngày đêm người dân đã xả thân cứu nước bằng hành động thực tế hơn là đánh bọn thực dân Pháp và bọn Việt gian tay sai của Pháp. Xin nêu lên các sự đấu tranh tiêu biểu, kể từ năm Hồ Chí Minh sinh ra 1890.

#### **B) CÁC CUỘC ĐẤU TRANH CHỐNG PHÁP**

– Năm 1891 : Đề Thám cùng Đốc Ngữ, Đề Kiêu vẫn hoạt động chống Pháp ở các tỉnh Bắc Giang, Thái Nguyên, Hưng Hóa...

– Năm 1892 : Tống Duy Tân và Cao Đạt trở lại Thanh Hóa lãnh đạo phong trào kháng chiến chống Pháp, nhất là vùng Nông Cống. Ông bị giặc Pháp bắt và xử án chém đầu ở Thanh Hóa.

– Năm 1893 : Ông Cao Thắng lần đầu tiên chế ra kiểu súng (1874) như kiểu súng của Pháp. Đại úy Pháp Gosselin, tác giả quyển “*Empire d’Annam*” cũng chính là người đã tham dự các trận đánh dẹp phong trào kháng chiến đã hết lời tán phục Phan Đình Phùng biết dùng quân và tự chế ra được kiểu súng giống súng của quân đội Pháp. Các kỹ sư Pháp cũng lấy làm kinh ngạc !

Cao Thắng đem quân về định đánh úp tỉnh thành Nghệ An (quê của Hồ Chí Minh) chẳng may giữa đường bị tử trận, lúc Ông mới được 29 tuổi.

– Năm 1895 : Sau 10 năm chiến đấu chống thực dân Pháp, Phan Đình Phùng lâm trọng bệnh, mất ngày 13 tháng 11

năm 1895, để lại bài thơ Cảm khái, được dịch ra tiếng Nôm như sau :

“Nhưng trường vận mệnh đã mười đông  
Việc võ lời thôi vẫn chưa xong  
Dân đói kêu trời vang ồ nhận  
Quân gian đầy đặc rộn đàn ong  
Chín trùng lận đận miền quan trái  
Trăm họ phôi phai đám lửa hồng  
Trách vọng càng to, càng một nhọc  
Tướng môn riêng hô tiếng anh hùng”.

Giặc Pháp bắt được nghĩa binh tra khảo tàn nhẫn nên việc chôn cất Phan Đình Phùng và cơ sở bị lộ. Tên Tổng đốc Việt gian Nguyễn Thân quật mồi nhận dạng, thấy đúng xác họ Phan, liền đem thi thể ra tận địa đầu tổng Việt Yên rồi đổ dầu phóng hỏa. Nguyễn Thân nhặt tro trộn vào thuốc súng thần công bắn xuống sông La Giang.

Các tướng Nguyễn Trạch, Nguyễn Mậu và cả thầy 23 người đều bị giặc chém đầu !  
-Năm 1896 : Đề Thám tiếp tục hoạt động chống Pháp tại Yên Thế cùng Nghĩa quân có độ 60 khẩu súng.

– Năm 1897 : Khắp các tỉnh Hải Dương, Thái Bình, Nam Định... có phong trào chống Pháp gọi là “Giặc Kỳ Đồng” và “Loạn Mạc Thiên Binh” do Mạc Đình Phú khởi xướng, đứng lên đánh Pháp phục quốc.

Tòa Sứ và trại Giám Binh Hải Dương bị Nghĩa binh tấn công do “Kỳ Đồng” chủ mưu. Giặc Pháp bắt được “Kỳ Đồng” và lưu đày sang đảo Tahiti.

Đêm mừng 5 rạng mừng 6 tháng 2 năm 1897, nhờ có nội ứng, Đề Thám đột kích tấn công Hà Nội làm cho quân Pháp kinh ngạc. Cuộc tấn công kéo dài đến 2 giờ đêm mới rút lui.

– Năm 1900 – 1901 : Các nhà Nho hăng hái tham gia phong trào “Duy tân – Tự cường” Phong trào này chi phối cuộc vận động độc lập của Việt Nam cho đến chấm dứt Thế giới đại chiến lần thứ nhất (1914-1918).

– Năm 1902 – 1903 : Ông Tăng Bạt Hổ, một chiến tướng Cần Vương trong nhóm Mai Xuân Thưởng ở Bình Định đi chu du các nước Trung Hoa, Nhật, Xiêm (Thái Lan) rồi trở về nước cổ động phong trào chống thực dân Pháp.

Tăng Bạt Hổ, Phan Bội Châu đi khắp Nam-Bắc liên lạc với các đồng chí, tuyên truyền, phát động phong trào cách mạng.

Phan Bội Châu có vào tận đồn Phồn Xương giao thiệp với Đề Thám.

– Năm 1904 – 1905 : Phan Bội Châu tổ chức cuộc họp các đồng chí tại sơn trang Nam Thịnh của Nguyễn Hàm ở Quảng Nam, rồi cùng Tăng Bạt Hổ sang Nhật giao thiệp với các yếu nhân chính giới như Khuyển Dưỡng Nghị, Bá Nguyên Phương để sửa soạn đưa Kỳ Ngoại Hầu Cường Để sang Đông Kinh.

Quyển “Lưu cầu Huyết lệ Tân thư” của Phan Bội Châu viết: Lấy cái nhục của dân Lưu cầu mất nước để ám chỉ vào tình cảnh nước Việt Nam – Quyển sách được truyền tụng và kích phát lòng yêu nước của Sĩ phu từ Nam Nghĩa ra đến Bắc Hà. Kết quả: Có ảnh hưởng rất rộng lớn về mặt tinh

thần và kể từ đó tạo được uy tín, thanh danh của Phan Bội Châu trong lịch sử cách mạng chống Pháp.

Các danh sĩ, chí sĩ: Phan Bội Châu, Phan Chu Trinh, Nguyễn Thượng Hiền, Trần Quý Cáp, Ngô Đức Kế, Huỳnh Thúc Kháng, Lương Ngọc Can... cả thầy đến mấy trăm vị kết nghĩa, đồng tâm thề nguyện mỗi người một việc, hy sinh cứu nước.

Ông Phan Châu Trinh đỗ Phó Bảng, được bổ nhiệm giữ chức Viên Ngoại Bộ Công, nhưng vẫn từ quan ra về để hoạt động cách mạng. Sĩ phu thời bấy giờ theo gương sáng của Ông rất nhiều.

– Năm 1906 : Cường Để, Phan Bội Châu, Phan Chu Trinh, Đặng Tử Kính, sang Nhật thành lập phong trào Đông Du cầu học cứu nước.

Ông Lương Ngọc Quyến tự ý bỏ nhà sang Nhật vào học trường Binh học Chấn Võ. Ông là người thanh niên Việt Nam đầu tiên sang du học tại nước Nhật.

Lúc này Nguyễn Hải Thần cũng sang Nhật quan sát rồi trở lại Trung Hoa hoạt động cách mạng.

Cuộc Đông Du của Phan Bội Châu và các Chí sĩ nhằm hai mục đích trọng yếu như sau:

1. Đưa nhiều thanh niên sang Trung Hoa và Nhật Bản cầu học để rèn luyện nhân tài cho cách mạng.
2. Mua khí giới gửi về giúp cho phong trào kháng chiến chống Pháp.

Nhân dịp Phan Chu Trinh về nước, Phan Bội Châu gửi về hai tập “Hải ngoại Huyết thư” để cổ vũ sĩ khí của dân



chúng quê nhà. Hai tập văn tuyên truyền này đã gây tiếng vang khá rộng lớn trong và ngoài nước.

Sau khi về nước, Phan Chu Trinh công khai gửi thư cho chính phủ Pháp (ngày 15-08-1906), yêu cầu phải thực hiện việc cải cách cho Việt Nam, mở mang tân học và bãi trừ tệ nan quan lại, tham ô, quyền thế...

– Năm 1907 : Các nhà Nho duy tân ở Bắc Hà : Lương Ngọc Can, Đào Nguyên Phổ, Phan Tuấn Phong, Lê Đại, Dương Bá Trạc, Nguyễn Quyền, Đặng Kinh Luân, Phạm Huy Thịnh, v.v... hợp tác mở trường tư thực lấy tên Đông Kinh Nghĩa Thực tại Hà Nội để mở rộng kiến thức và giáo dục cho người dân.

Trường mới vừa khai trương, đã có trên một ngàn học sinh, Tất cả được cấp giấy bút, miễn học phí và dạy 3 ngôn ngữ Việt, Hán, Pháp. Bên ngoài là Trường học nhưng kỳ thực bên trong là một Tổ chức Cách mạng, chuyên lo việc tuyên truyền, phản đối chế độ hà khắc của thực dân Pháp và lo việc tiếp tế phương tiện cần thiết cho các đồng chí ở hải ngoại. Vì thế, trường khai giảng tháng 3 đến tháng 12 thì nhà đương cuộc Pháp ép buộc nhà trường phải đóng cửa

Các nhà Nho ở Nghệ Tĩnh (quê hương của Hồ Chí Minh) cùng tham gia hoạt động chống thực dân Pháp, lập ra Minh Xá và Am Xá:

1. Chủ trương của Minh Xá là cách mạng bằng văn hóa và kinh tế.
2. Chủ trương của Am Xá là cách mạng bằng võ lực và kháng chiến chống Pháp.

Phong trào cách mạng trong Nam (Nam Kỳ) khởi lên bởi hai nhóm ái quốc Xã Định và Trần Chánh Chiêu tức là Gilbert Chiêu.

Ông Xã Định bán cả sản nghiệp giúp vào Nghĩa Đảng và cho hai con sang Nhật du học. Ông Phủ Chiêu (vì ông Chiêu làm quan Phủ) lập Hội Minh Tâm liên lạc các đồng chí khắp lục tỉnh kêu gọi chống Pháp.

– Năm 1908 : Một vụ đầu độc vào tháng 6, xảy ra tại một trại lính ở Hà Nội. Chủ mưu là Nghĩa Đảng có liên hệ với Đề Thám. Ban tổ chức là các Ông Đội Bình, Cai Ngà, Chánh Song, Đội Hồ, cùng hội họp bàn định ở nhà hàng Cơm của Hai Hiên tại phố Cửa Nam, nguyên là đầu bếp trong thành lính Tây. Họ định bỏ thuốc độc cho lính Pháp để sau đó lực lượng của Đề Thám tiến vào chiếm lấy thành. Việc này không may bị bại lộ, Nghĩa binh đột kích vào Hà Nội qua đường Hàm Long và đường Sinh Tử nhưng đều bị đánh lui. Nhiều người bị bắt và bị xử án tù. Nhà cầm quyền Pháp xét ra việc này do ảnh hưởng của nhóm Đông Kinh Nghĩa Thục.

\* Dương Bá Trạc, người làng Phú Trị, tỉnh Hưng Yên, nhà cách mạng thuộc nhóm Đông Kinh Nghĩa Thục, rất thông minh, năm 17 tuổi đỗ Cử nhân Hán học. Người Pháp muốn mua chuộc Ông, bổ nhiệm ông đi làm Tri Huyện nhưng bị Ông từ chối không nhận chức quan. Năm 1909, sau khi trường Đông Kinh Nghĩa Thục đóng cửa, Ông bị thực dân Pháp bắt và lưu đày ra Côn Đảo.

\* Cả Trọng, con trai nhà cách mạng ái quốc Hoàng Hoa Thám, trong cuộc kháng chiến chống Pháp tại Yên Thế, Ông từng cầm binh đánh Pháp, gây cho Pháp nhiều tổn thất

lớn lao. Sau đó Ông đã chết trong giao chiến với Pháp năm 1909.

Các yếu nhân trong tổ chức này đều bị kết án và lưu đày ra hải ngoại khá đông. Toàn thể người dân xứ Bắc Hà rất bất mãn và lên án về hành động tàn bạo, độc ác của thực dân Pháp.

Các tỉnh Trung Kỳ, nhất là các tỉnh Bình Định, Quảng Ngãi, Quảng Nam, Thừa Thiên cùng phát động những cuộc biểu tình do các nhà Nho Duy Tân khởi xướng, vận động bãi bỏ án tù đòi trả tự do cho các nhà yêu nước.

– Mùa xuân năm 1908, hàng ngàn người dân Huế nằm chặn ngang cầu Trường Tiền và vây quanh Tòa Khâm Sứ để chống đối nạn sưu cao thuế nặng và chống việc áp bức dân chúng phải đi lao động khổ sai. Lúc bấy giờ Nguyễn Tất Thành đang học tại trường Quốc Học, Huế, chắc hẳn ông đã nghe thấy tiếng đồng bào đang nói tiếp từng đoàn kéo đi dọc theo bờ sông Hương, đấu tranh chống đối hành động tàn bạo, vô nhân của thực dân Pháp.

Chính phủ Pháp cho lệnh bắt giam hầu hết các lãnh tụ duy tân kết án và lưu đày ra Côn Đảo, kể cả Phan Châu Trinh và các đồng chí của Ông.

Huỳnh Thúc Kháng, người làng Thanh Bình, quận Tiên Phước, tỉnh Quảng Nam; học giỏi nổi tiếng, đỗ Giải Nguyên khoa Canh Tý (1900), và Tiến sĩ khoa Giáp Thìn (1904). Ông kết hợp cùng các Ông Phạm Liệu, huyện Quế Sơn; Võ Hoàn, huyện Duy Xuyên; Nguyễn Đình Huyền, huyện Quế Sơn. Vì thế nên được mệnh danh là “Tứ Hùng” của tỉnh Quảng Nam để chống Pháp.

Ông cùng các bạn đồng chí Nguyễn Thành, Châu Thượng Văn... lãnh đạo cuộc đấu tranh chống nạn “sưu cao thuế nặng” tại Quảng Nam. Năm 1908, Ông bị bắt và lưu đày ra Côn Đảo.

Châu Thượng Văn, người ở Hội An, tỉnh Quảng Nam, là nhà cách mạng rất hăng hái trong cuộc đấu tranh chống thực dân Pháp và rất tích cực hoạt động cho việc duy tân xứ sở. Sau cuộc dân biến tại Quảng Nam năm 1908, Ông bị bắt nhưng vẫn khẳng khái một mình nhận hết trách nhiệm. Kể từ lúc bị bắt đến khi tuyên án có trên 20 ngày, Ông không chịu ăn uống chi cả nên khi ra tới Huế thì Ông chết trong lao xá Thừa Phủ.

Tại Quảng Nam, dân chúng kéo nhau hàng nghìn người đến tỉnh lỵ, yêu cầu bãi bỏ nạn sưu cao thuế nặng.

Tại Bình Định cũng vậy, dân chúng đều mặc áo cộc, đội nón lá, sau lưng mang nồi niêu và thực phẩm. Dọc theo đường, thấy ai mặc áo dài đen thì họ xúm lại xé áo và cắt tóc ngắn, rồi kêu gọi đi biểu tình. Vì thế gọi là “Loạn đầu bào” hay “Vụ cắt tóc”. Thực dân Pháp và Việt gian đàn áp, bắt bớ và lưu đày biệt xứ hàng ngàn nhân sĩ. Bi thảm nhất là Tiến sĩ Trần Quý Cáp bị chém tại Khánh Hòa.

Trần Quý Cáp, người làng Bát Nhi, tỉnh Quảng Nam, đỗ Tiến sĩ khoa Giáp Thìn (1904), một nhà cách mạng kiên cường, lỗi lạc, bị giặc bắt giam, ghép vào tội mưu phản và xử án chém ngang lưng tại Khánh Hòa năm 1908.

– Năm 1909 : Thực dân Pháp đem quân đi đánh Đền Thám ở Yên Thế vào ngày 28-01-1909. Thống Sứ Bắc Kỳ ra yết thị khắp 4 tỉnh Bắc Giang, Bắc Ninh, Thái Nguyên, Phúc Yên kể tội Đền Thám chống đối Pháp.

Vì lực lượng hùng hậu của Thực dân Pháp, Đền Thám bỏ đồn Phồn Xương rút vào chiến khu trong rừng sâu chuyên dùng lối đánh du kích lưu động. Những bộ tướng danh

tiếng là Cả Trọng, Cả Định, Cả Huỳnh đã làm cho thực dân Pháp nhiều phen điêu đứng.

Trước đây, Đê Thám có dành một nơi đặc biệt trong khu vực Yên Thế cho Phan Bội Châu lập ấp luyện binh, làm nơi tụ họp thanh thiếu niên Nghệ Tĩnh và cũng là nơi cho đoàn quân của Phan Đình Phùng tạm trú. Căn cứ này do Ông tú Phạm Văn Ngôn chỉ huy. Con trai Tán Thuật là Cả Tuyển cũng ở trong chiến khu đó. Lần này quân Pháp đánh Đê Thám nhưng gặp phải các chiến sĩ Nghệ Tĩnh và Cả Tuyển có nhiều kinh nghiệm chiến trường, đã từng tham dự nhiều trận đánh ác liệt như trận ở núi Hàm Ếch làm cho quân Pháp tổn thất rất nặng nề.

Cũng trong năm 1909, Phan Bội Châu phải rời Hoàn Tân qua Hồng Kông, sau đó đến Quảng Đông vì Nhật đã thỏa hiệp và ký thương ước với Pháp. Vì quyền lợi, Nhật đã trở mặt và đuổi du học sinh Việt Nam và Phan Bội Châu rời khỏi Nhật Bản.

– Từ năm 1910, thực dân Pháp đã sử dụng nhiều biện pháp xảo thuật, tàn bạo để vô hiệu hóa các phong trào, các lực lượng chống đối của người Việt Nam.

Các chiến sĩ hải ngoại dời căn cứ hoạt động ở Nhật sang Trung Hoa tiếp tục hoạt động.

Năm 1911, Phan Bội Châu xướng xuất thành lập Việt Nam Quang Phục Hội và bầu Cường Để làm Hội chủ. Tôn chỉ duy nhất của Hội là đánh đuổi thực dân Pháp, giành độc lập cho Việt Nam.

Các cuộc đấu tranh chống thực dân Pháp thật sự khởi điem cùng thời với quân Pháp xâm chiếm nước Việt Nam (Từ

tháng Bảy năm Mậu Ngọ, niên hiệu Tự Đức thứ 11, tức là ngày 31 tháng 8 năm 1858)

– Năm 1911, Phan Chu Trinh ở Côn Đảo về Nam Bộ do lệnh ân xá của chính phủ Pháp, rồi đưa Ông sang Ba-Lê (Pháp Quốc). Nhân dịp này Ông viết thư cho Hội Nhân Quyền tố cáo những vụ án bất công đã xử năm 1909, như vụ án “Đông Kinh Nghĩa Thục” ngoài Bắc và phong trào “Xin râu – Cúp tóc” ở Nam Nghĩa.

Tại Gò Công, Pháp đã phát giác vào tháng 6 năm 1911, một âm mưu giết hết người Pháp trong tỉnh và chiếm lấy tỉnh lỵ Gò Công.

Trên đây là các cuộc đấu tranh chống thực dân Pháp đã được sử sách ghi chép. Còn rất nhiều công cuộc đấu tranh lẻ tẻ khắp nơi của người dân Việt Nam mà sử sách không thể ghi chép hết được.

Thế là từ ngày Hồ Chí Minh chào đời cho đến ngày Hồ Chí Minh lên tàu sang Pháp, trên 20 năm (1890-1911). Toàn dân Việt đã đấu tranh chống thực dân Pháp vận dụng nhiều phương cách để tìm đường cứu nước.

Trước các cao trào đấu tranh chống thực dân Pháp, Hồ Chí Minh đã ngoảnh mặt làm ngơ, vì Nguyễn Sinh Cung cũng thấy trong giai đoạn này sự đô hộ của thực dân Pháp tại Việt Nam đã xem như ổn định, khó lay chuyển bằng sức mạnh võ trang cũng như các phong trào đấu tranh, nên đã tìm đường tha phương cầu thực. Hơn thế nữa, cha của Hồ Chí Minh (Nguyễn Sinh Cung) là Nguyễn Sinh Huy hợp tác với Triều đình làm tay sai cho thực dân Pháp và được bổ nhiệm làm Tri Huyện Bình Khê, tỉnh Bình định.

Đây là một bước ngoặt đầy bi đát và rất quan trọng đối với cuộc đời Hồ Chí Minh, bởi vì, từ một “cậu ấm con quan” đang theo học trường Quốc Học tại Kinh đô xứ Huế, nay lâm vào một tình trạng tuyệt vọng, không những không có tài chánh để theo học mà còn có mặc cảm xấu hổ, mất mặt với bạn bè, thân thuộc bà con họ hàng, làng xóm nơi sinh ra và lớn lên tại Nghệ An. Chính cái mốc điểm này đã đưa đẩy Hồ Chí Minh trở thành một con người kinh khiếp, gieo rắc cho đất nước Việt Nam những điều tàn, tang thương, đổ nát... và dân tộc Việt Nam chịu cảnh nội da xáo thịt và sự bất hạnh triền miên trên nửa thế kỷ (sẽ trình bày ở phần tội ác qua hành động của Hồ Chí Minh)

#### **A1) HỒ CHÍ MINH XUỐNG TÀU QUA PHÁP.**

Tương cũng nên nói rõ biến cố quan trọng này vì sự kiện đã được hệ thống tuyên truyền của Cộng sản ngụy tạo ra một huyền thoại vượt qua lịch sử đấu tranh chống thực dân Pháp của toàn dân Việt Nam, với luận điệu tro trên ngụy tạo “Bác Hồ ra đi tìm đường cứu nước”.

Để sáng tỏ và phản bác luận điệu tuyên truyền, đánh bóng của Cộng sản Việt Nam, chúng ta tìm hiểu: Hồ ra đi tìm đường cứu nước hay Hồ ra đi tìm đường làm tay sai cho thực dân Pháp ? Nói một cách khác là tìm đường “làm quan” để đê đầu cỡi cổ người dân Việt Nam.

– Năm 1910 : Ông Nguyễn Sinh Huy (thân sinh của Nguyễn Sinh Cung = Nguyễn Tất Thành, Nguyễn Ái Quốc, Hồ Chí Minh...) bị thi hành kỷ luật (án) rất nặng bởi vì Ông đã đánh người nông dân tên Tạ Đức Quang bằng roi và gây đến nỗi làm cho người nông dân bị chết. Sở mật thám Pháp mở cuộc điều tra, được biết nội vụ xảy ra khi

Ông Tri Huyện say rượu. Người dân tỉnh Bình Định đang sôi sục chống Thực dân Pháp.

Chính phủ Pháp và Triều đình Việt Nam muốn dùng chính sách mị dân nên buộc Hội đồng Nhiếp Chánh ở Huế quyết định bãi chức Tri Huyện và hạ xuống 4 bậc trong hàng quan lại. Bi kịch này hết sức nặng nề, làm đổ vỡ giấc mộng làm quan khi bị bãi chức và giáng cấp.

Cả hai cha con (Nguyễn Sinh Huy và Nguyễn Sinh Cung) đều hổ thẹn không dám về quê nhà ở Nghệ An. Sau đó lưu lạc vào miền Nam sống ngoài lề của bộ máy cai trị trong niềm lo âu, tủi nhục và thiếu thốn, mất nguồn sinh sống nên làm nghề thầy lang bốc thuốc.

Hồ Chí Minh tự quyết định tìm đường xa lánh quê hương với hy vọng sang nước Pháp để kiếm sống và có thể tìm được sự học hỏi, tạo cơ hội tiến thân hơn.

Để thấy rõ mục đích và bản chất của Hồ Chí Minh khi quyết định bỏ nước ra đi bằng cách Hồ Chí Minh lúc bấy giờ có tên mới là Văn Ba, xin được một chỗ làm trên chiếc thương thuyền cùng với bốn thanh niên Việt Nam là những nông dân nghèo khổ, cũng bỏ làng, gia đình đi kiếm sống là Lê Quang Chi, Nguyễn Văn Tri, Nguyễn Tuân và Đặng Quan Rao (viết theo sách thời Thanh niên của bác Hồ). Công việc của Văn Ba và bốn thanh niên trên là phụ làm những công việc nặng nhọc dưới tàu, như: rửa chén, bát, đĩa, nĩa muỗng, rửa nồi, chảo, xúc than, cạo sơn, đánh bóng đồ đồng, lau chùi, quét dọn tàu...

Ngày 5 tháng 6 năm 1911, thương thuyền Amiral Latouche Tréville rời bến Nhà Rồng (Saigòn) đi Tân Gia Ba (Singapore), trên đường sang Pháp.



Tuy công việc hàng ngày, đêm trên tàu rất vất vả và nặng nhọc, nhưng nhờ tính nhẫn nại chịu đựng, chịu gian khổ vốn có sẵn nơi mỗi con người Việt Nam, nhất là dân Nghệ An, nên dù hoàn cảnh cùng cực nào, Văn Ba (Nguyễn Sinh Cung = Nguyễn Tất Thành = Hồ Chí Minh...) vẫn đi tìm một lối thoát cho bản thân, bất chấp nặng nhọc, khôn khổ trên đường xuôi ngược để tìm kế sinh nhai.

Hoài bão lớn nhất của Nguyễn Sinh Cung (Nguyễn Tất Thành) nhất định không phải là “Bác ra đi tìm đường cứu nước” như ông tự nhận hoặc qua sách vở ghi chép và qua lời tuyên truyền bịa đặt, tâng bốc của Cộng sản Việt Nam mà thực chất hoài bão lớn nhất của Nguyễn Tất Thành là tìm đường tự cứu mình, cứu cha nên đã bỏ lại lũy tre làng xứng đáng lùi lại phía sau và hướng tới đại dương như tự ngàn đời sẵn sàng chào đón những ước mơ và hy vọng... mai đây trên đường hoạn lộ có thể gặp được và tìm được “Danh và Lợi” qua ngõ “Thực dân hoạn lộ” vinh thân phì da bằng nỗ lực tự mình làm cho mình trở thành “hữu dụng” đối với nhà nước Đại Pháp đang đô hộ đất nước Việt Nam.

Nói cho cùng, Nguyễn Tất Thành cũng nhen nhúm chút ý tưởng cách mạng hóa cuộc đời của mình thử cố vùng lên thay đổi mệnh số, đánh canh bạc thời vận, liều lĩnh một phen để tìm lối thoát cho bản thân, bị kịch gia đình bởi người cha (Nguyễn Sinh Huy) làm Tri Huyện bị thải hồi đã tác động mạnh, tạo nên động cơ thúc đẩy Nguyễn Sinh Cung phải xuống tàu bỏ nước ra đi. Để chứng minh điều đó là đúng sự thật:

Ngày 5 tháng 6 năm 1911, Tàu Amiral Latouche Tréville của hãng Chargeurs Réunis rời bến Nhà Rồng Sài Gòn, có

ghé các nơi và đến cảng Marseille của Pháp ngày 6 tháng 7 năm 1911.

Ngày 15 tháng 7 năm 1911, tàu đến Le Havre, một cảng ở miền Bắc nước Pháp. Hãng Chargeurs Réunis cho tàu vào ụ ở Le Havre để sửa chữa, nên tất cả thủy thủ, nhân viên bồi tàu sang làm cho một tàu khác của Hãng để trở lại Đông Dương. Văn Ba (Nguyễn Tất Thành) không theo tàu trở lại Việt Nam, mà lên bộ đi tìm việc làm thuê. Công việc đầu tiên là đến làm vườn cho gia đình viên chủ tàu.

#### **A2) HỒ CHÍ MINH XIN VÀO HỌC TRƯỜNG THUỘC ĐỊA TẠI PHÁP**

Qua 2 tháng làm thuê, tham vọng làm quan tay sai cho người Pháp thúc dục, ngày 15 tháng 9 năm 1911, Nguyễn Tất Thành (Văn Ba) đã làm 2 lá đơn gửi đến:

1. Đơn gửi Tổng thống Pháp.
2. Đơn gửi Bộ Thuộc địa

Xin được vào học trường Thuộc địa như một nội trú viên.

\* Kết quả:

1. Đơn gửi Tổng thống Cộng hòa Pháp quốc chẳng ai xét đến lá đơn của Nguyễn Tất Thành.
2. Đơn gửi Bộ trưởng Thuộc địa thì được giải quyết như sau:

Bộ Thuộc địa gửi công văn xuống chỉ thị Hội đồng Quản trị nhà Trường chiếu theo nguyên tắc mà giải quyết.

Trong văn thư phúc trình lên Bộ Thuộc địa do ông Paul Dislère ký ngày 12 tháng 10 năm 1911. Trường Thuộc địa cho biết Nguyễn Tất Thành không hội đủ điều kiện nhập học, vì chiếu theo tinh thần Nghị định ngày 30 tháng tháng

4 năm 1910, đương sự (Nguyễn Tất Thành) không phải là người được Phủ Toàn Quyền Đông Dương gửi sang Pháp để theo học tại trường Thuộc địa của Pháp.

Tiếp theo sau đó, một văn thư chính thức do Phó Giám đốc Nhân viên thuộc Bộ Thuộc địa ký ngày 21 tháng 10 năm 1911 gửi cho Nguyễn Tất Thành. Bộ Thuộc địa cho đương sự biết là đơn xin nhập học trường Thuộc địa đã bị bác vì lý do nói trên.

Dưới đây là các tài liệu tạm dịch như đơn xin nhập học trường Thuộc địa tại Pháp và các văn thư liên quan đến Nguyễn Tất Thành (Hồ Chí Minh).

1. Đơn gửi Tổng thống Cộng hòa Pháp quốc
2. Đơn gửi Bộ trưởng Bộ Thuộc địa Pháp.

Đơn thứ hai của Nguyễn Tất Thành gửi đến Bộ Thuộc địa cùng đề ngày 15 tháng 9 năm 1911, chỉ khác nhau ở góc trái phía trên lá đơn “Đây là đơn thứ hai” và cuối đơn có câu “Kính xin Ông Bộ trưởng nhận lòng tôn kính của tôi”.

3. Bản thảo văn thư Bộ Thuộc địa gửi cho Chủ tịch Ban Quản Trị nhà trường Thuộc địa đề ngày 27 tháng 9 năm 1911, để tham khảo ý kiến.

4. Phúc trình của ông Paul Dislère gửi ông Bộ trưởng Bộ Thuộc địa xác nhận đơn xin của Nguyễn Tất Thành không thể chấp thuận được vì Nguyễn Tất Thành không được Toàn Quyền Đông Dương đề bạt qua Pháp học (theo quy định của điều I, nghị định ngày 30 tháng 4 năm 1910).

5. Bản thảo văn thư của Bộ Thuộc địa thông báo cho Nguyễn Tất Thành biết rằng:

“Đơn xin nhập học trường Thuộc địa bị từ chối.” Ngày thảo văn thư 13 tháng 10 năm 1911, sao lại ngày 21 tháng 10 năm 1911, do Phó Giám đốc Nhân viên ký tên. (Đơn của Nguyễn Tất Thành và các tài liệu của Pháp).

Hiện các văn kiện này vẫn còn được lưu trữ tại Văn khố Quốc gia Pháp (Archives Nationale – Section Outre Mer)

Khi làm đơn xin vào học trường Thuộc địa, chắc chắn Nguyễn Tất Thành biết rõ :

\* École Coloniale tại chính quốc chuyên đào tạo các quan cai trị của Pháp. Khi tốt nghiệp được bổ nhiệm làm Công sứ, Khâm sứ, Chánh, Phó Tham biện, v.v... Trong Trường có phân hiệu Bản xứ (Section Indigène), điều kiện nhập học phân hiệu này phải còn là con cái các tay Đại Việt gian, công thần nô bộc của Pháp và nhất thiết có sự giới thiệu của viên Toàn quyền Đông Dương.

\* École Coloniale d’Indochine (thường được gọi là École des Interprètes) tại Đông Dương. Tốt nghiệp trường này được tuyển bổ làm Thư ký Soái phủ (Secrétaire du Gouvernement) mà thời ấy thường được gọi là Thông phán, tòng sự tại các Tòa Công, Khâm sứ Tỉnh và Miền (Vùng).

Mục đích của trường Thuộc địa là đào tạo tay sai cho thực dân Pháp, thi hành chính sách, đường lối cai trị các nước thuộc địa nhằm đem lại quyền lợi cho thực dân Pháp. Thế mà Nguyễn Tất Thành xin vào học, nhưng bị từ chối rõ ràng như vậy. Lo cho bản thân chưa xong, làm sao gọi là tìm đường cứu nước được ?

Nguyễn Tất Thành còn gửi đơn xin viên Khâm sứ Trung kỳ cầu xin sự rộng lượng thương xót hoàn cảnh của thân sinh

(Nguyễn Sinh Huy) được tiếp tục phục vụ trong vai trò huấn đạo hay thừa biện cũng được.

Sự kiện này lại càng chứng tỏ rõ ràng Nguyễn Tất Thành làm đơn xin học trường Thuộc địa, làm đơn cho thân sinh ông được tiếp tục phục vụ cho thực dân Pháp nên không thể viện lẽ “ra đi để tìm đường cứu nước” (tài liệu chứng minh: Đơn tiếng Pháp).

Sau khi bị trường Thuộc địa từ chối, Nguyễn Tất Thành sống lang thang rày đây mai đó, không ở một nơi nào cố định và cũng không có một nghề nghiệp nào chắc chắn để nuôi thân.

Trong cảnh bơ vơ, thiếu thốn, gặp được Phan Chu Trinh nghĩ tình ông Bàng Sặc (Nguyễn Sinh Huy), cho ăn nhờ ở đậu, giúp đỡ mọi phương tiện, vì thấy Thành hiện còn là một thanh niên mới trưởng thành mà phải sống tha phương cầu thực, không nơi nương tựa. Thời gian này Thành được Phan Chu Trinh và Luật sư Phan Văn Trường cưu mang và dạy tiếng Pháp để giúp Thành có điều kiện tiến thân.

Nhưng vốn thận trọng, thâm trầm và dày dặn kinh nghiệm, cả hai người đều không tán thành hoạt động quá táo bạo, liều lĩnh, vô lối của Thành, nên thường xuyên nhắc nhở Thành nên tự kiềm chế kéo việc chưa tới đâu đã mang họa vào thân và đưa đến những kết thúc tai hại khôn lường; không những cho chính bản thân của Thành mà còn di hại cho những nhà ái quốc chân chính đang hoạt động tại Pháp và cả đất nước về sau này. Ý Phan Chu Trinh muốn nói nếu Thành manh nha ý định chạy theo con đường Cộng Sản thì tai họa cho đất nước về sau. Quả lời cảnh giác của Phan Chu Trinh đã thành sự thật. Chính Hồ đã nhận chìm đất

nước trong vũng lầy Cộng Sản, không ngoi lên nổi mãi cho đến nay đã hơn 60 năm (1945-2008) và không biết lúc nào dân tộc Việt Nam mới thoát nạn Cộng sản.

Nói về chuyện Nguyễn Ái Quốc chống lại lập trường bất bạo động và chủ trương dân tộc tự cường của hai ân sư của mình là Phan Chu Trinh và Phan Văn Trường, nhất là Phan Chu Trinh, thiết tưởng cũng nên thêm một chi tiết lịch sử quan trọng này.

Nhận thấy càng ngày Nguyễn Tất Thành càng có khuynh hướng xa rời con đường dân tộc, càng đi ngược lại những gì mình đã soi sáng cho, ngày 18 tháng 2 năm 1922, từ Marseilles, Phan Chu Trinh đã gửi cho Thành một lá thư cảnh tỉnh nội dung gồm mấy điểm chính:

1. Vạch cho Quốc thấy phương pháp đấu tranh đó, rồi sẽ không đem lại kết quả nào. “Muốn cứu nước mà chủ trương đi ra nước ngoài một mặt kêu gọi người giỏi ra ngoài giúp mình, đợi thời cơ thuận tiện mới về giải cứu quê hương, một mặt viết bài đăng trên báo chương trên đất nước người, hô hào quốc dân đồng bào đem tinh thần nghị lực ra làm việc cứu dân cứu nước, thì chỉ là một việc vô ích mà thôi. Bởi lẽ rất đơn giản là đồng bào mấy ai biết chữ Tây, thậm chí cả chữ quốc ngữ, cầm tờ báo mà đọc nổi”. Phan Chu Trinh khuyên Quốc, “đừng có dùng cái lối nương náu ngoại bang để rung chuông gõ trống mà phải trở về ẩn náu nơi thôn dã, hô hào quốc dân đồng bào, đồng tâm hiệp lực đánh đổ cường quyền áp chế”.

2. Trong thư của Phan Chu Trinh có nêu lên và phê phán chủ trương ra nước ngoài cầu cứu là sai lầm, sang Nhật sang Tàu chạy Đông chạy Tây, chẳng khác phương pháp

của họ Lê cầu Thanh diệt Trịnh, họ Nguyễn cầu viện Pháp đình đánh Tây Sơn. Rốt cuộc, chỉ toàn thất bại. Và lại, “nếu phương pháp cầu viện thành công thì quốc dân đồng bào vẫn nguyên cái lưng con ngựa, chỉ thay người cưỡi mà thôi”.

3. Cũng trong thư Phan Chu Trinh có lưu ý rằng: càng ngày Thành càng có vẻ bị mê hoặc chủ nghĩa Mác Lê muốn đi theo con đường này để mưu đồ việc cứu nước, nên muốn giải bày để Thành hiểu rằng con đường duy nhất vẫn là con đường tự lực tự cường, mình tự trồng cây vào sức mình, lấy tinh thần quốc gia dân tộc làm phương hướng và cây trồng vào sức quật khởi của quốc dân đồng bào là chủ yếu, nếu không thì rốt cuộc đất nước cũng sẽ lại rơi từ tay đế quốc này sang tay đế quốc khác mà thôi. Điều cảnh giác này cho đến bây giờ, vận hạn đau thương của đất nước trong hơn 60 năm qua đã xót xa chứng minh là đúng.

Thật đau xót cho cái lưng trâu ngựa Việt Nam, sau một thời gian ngọt một thế kỷ bị Thực dân Trắng cưỡi, nghỉ ngơi chưa được bao lâu, nay Đế quốc Đỏ lại chễm chệ ngồi lên mà kẻ ra tận nước ngoài xa xôi rước /về lại chính là Nguyễn Tất Thành háo thắng nông nổi ngày xưa.

Vốn tính ngựa non háu đá và ngỗ nghịch Nguyễn Tất Thành đã chẳng nghe lời khuyên bảo của bậc trưởng thượng, lại còn lộng ngôn cho rằng hai ông và nhóm của hai ông đại khái là những người hủ nho, thủ cựu không dám hành động. Từ đó Thành ra mặt bài bác tư tưởng của hai ông Phan và ly khai đoạn tuyệt với đường lối đấu tranh bất bạo động.

Người ta còn nhớ trong một cuộc đấu lý sôi nổi tại căn nhà ở đường Gobelins của Phan Văn Trường, giữa Phan Chu Trinh, Phan Văn Trường và Nguyễn Tất Thành về những hoạt động bóc lột của Thành và bạn bè, Thành (Quốc) đã lên tiếng như sau:

– Thưa bác, bác nói đến nền văn minh nào đấy, lẽ nào bác lại chưa biết đến vô vàn tội ác mà bọn thực dân Pháp đã gây ra trên đất nước ta? Nhà tù nhiều hơn trường học và nhà tù nào cũng chật ních tù nhân. Dân ta bị phân biệt đối xử, họ không có lấy một chút quyền sơ đẳng nào....

Trong một câu nói khác nhằm đả kích hai cụ Phan, Thành nhấn mạnh:

– Bác còn nhớ chứ, tại sao lại nổ ra cuộc khởi nghĩa Thái Nguyên, nơi biết bao máu đã chảy và biết bao người vô tội bị tử hình? Nguyên nhân là do những hành động tàn bạo của tên công sứ Đắc-lơ. Để chiếm đoạt đất đai, tài sản của dân, y đã ra lệnh chôn đến cổ những người Việt Nam vô tội...

Bây giờ ta hãy thử hình dung một cuộc đối thoại giữa một người bên vực chủ nghĩa Cộng sản và một người Việt Quốc gia. Người Quốc gia lớn tiếng :

– Thưa bác, bác nói đến nền văn minh nào đấy, lẽ nào bác lại chưa biết đến vô vàn tội ác mà bọn Cộng sản đã gây ra trên đất nước ta. Nhà tù nhiều hơn trường học và nhà tù nào cũng chật ních tù nhân cải tạo. Dân ta bị phân biệt đối xử, thi cử, xin việc làm nhất nhất phải duyệt xét lý lịch. Người dân không có lấy một chút quyền sơ đẳng nào...



– Bác còn nhớ chứ, tại sao lại nổ ra cuộc khởi nghĩa Quỳnh Lưu, nơi biết bao máu đã chảy và biết bao người vô tội bị giết? Nguyên nhân là do những chủ trương tàn bạo của Hồ Chí Minh. Để chiếm đoạt đất đai, tài sản của dân, y đã ra lệnh đấu tố, chôn đến tận cổ những nhà nông Việt Nam vô tội qua chính sách “Cải cách ruộng đất” đẫm máu của y.

Đây, có khác gì bao nhiêu giữa hai đoạn đối thoại? Hồ Chí Minh lên án thực dân Pháp đã tàn ác đối với dân ta để sau đó thiết lập một Nhà Nước Cộng sản còn tàn ác vạn bội.

Một người Việt Nam bình thường từng sống qua hai thế hệ đều thấy rõ điều đó và cho đến bây giờ, vẫn nghe các ông già bà lão nói với nhau: “Hồi dưới trào Tây, đâu có tàn ác như Cộng sản !”

Nguyễn Tất Thành càng cay cú hơn sau khi đơn xin nhập học của mình bị bác.

Không được nhận học trường Thuộc Địa đã chuyển biến tư tưởng trầm trọng nơi Nguyễn Tất Thành. Từ mộng làm quan toan tính cưỡi đầu cưỡi cổ dân Việt “BẮT THÀNH, BẮT MÃN” Thành xoay qua con đường tranh đấu chính trị với tham vọng làm... cách mạng (?). Bị công trường thực dân Thuộc Địa khép lại ngay trước mũi, Nguyễn Tất Thành lâm vào ngõ bí, chẳng những dở dang sinh kế, bỏ việc bồi dưới tàu, lên bộ lang thang ngày này qua ngày khác, hết làm phu quét đường, đốt lò đến cào tuyết, dọn vườn..v..v..không một nghề nhất định nào nơi xứ người. Từ đó Thành vô cùng bất mãn với thực tại, và với chính bản thân mang tên Tất Thành mà bị bắt thành chịu nhiều đắng cay đau xót ê chề thất vọng, nảy sinh biến chuyển tâm trạng, bất trắc về luân lý và xã hội, bởi mộng

không thành (không được làm quan, lang thang thôi đành làm cách mạng !).

Một thời gian khá dài, Nguyễn Tất Thành sinh sống với cái nghề bồi bàn tại các tửu quán Paris. Đến năm 1917 được giới thiệu đi làm phụ bếp cho khách sạn Calton ở Luân Đôn (Anh Quốc) dưới quyền một đầu bếp nổi tiếng là Escoffier. Ngoài giờ phục vụ cho khách sạn, Nguyễn Tất Thành bị lôi kéo vào hoạt động trong tổ chức Liên Hiệp Công Nhân, một tổ chức bí mật của công nhân người Hoa và Ấn thành lập tại Luân Đôn nhằm chống lại chính quyền Tư Bản Anh Quốc. Sinh kế của Nguyễn Tất Thành tại đây vất vả hơn, lại còn bị nhà chức trách theo dõi, gặp nhiều khó khăn nên phải trở lại nước Pháp.

Lại thêm lần nữa, Nguyễn Tất Thành đã lấy tên là Nguyễn Ái Quốc, khoác mỹ từ “yêu nước thương nòi”, dụng ý lừa bịp Việt kiều hải ngoại. Nhất là tại Pháp, có nhiều sinh viên du học và số đông thanh niên đi lính cho Pháp trên dưới 60 ngàn người. Bằng kỹ xảo bịp bợm, Tất Thành đã sang đoạt bút danh Nguyễn Ái Quốc của nhóm các nhà yêu nước hoạt động tại Pháp, nhờ uy tín của nhóm này để vun đắp thêm cho cái tên Nguyễn Ái Quốc vừa mới sang đoạt.

Theo những người Việt Nam sinh sống tại Paris những năm sau Thế chiến 1914-1918, Nguyễn Ái Quốc là cái tên chung của những người hoạt động chính trị mưu cầu độc lập cho Việt Nam thời bấy giờ. Thuở Nguyễn Tất Thành mới tới Paris chưa thông tiếng Pháp, cả nói lẫn viết, nhất là viết, đã có những truyền đơn viết bằng Pháp văn ký tên Nguyễn Ái Quốc. Mật thám Tây theo dõi và báo cáo người thảo truyền đơn chính là Luật sư Phan Văn Trường. Về sau này, khi đoạn tuyệt tư tưởng với các ân sư của mình,

Nguyễn Tất Thành đã lợi dụng uy tín của họ, công lao gây dựng tư tưởng và hoạt động ái quốc của họ để làm chất liệu xây đắp tên tuổi của cá nhân mình bằng trò chơi đơn giản là cướp ngay cái bút hiệu Nguyễn Ái Quốc. Và cứ thế mà về sau này đám văn nô, sử nô Cộng Sản cứ theo đó mà viết lịch sử Đảng, tâng bốc Hồ Chí Minh, cho Hồ Chí Minh “hiền thánh” như thế nào ai cũng rõ.

Nhờ vậy, cái tên Nguyễn Ái Quốc đã lôi cuốn được khá nhiều cảm tình và hậu thuẫn của kiều bào tại Pháp. Tưởng cũng nên đề cập thêm ở đây “huyền thoại” về tác giả “Bản án chế độ thực dân Pháp” mà bọn văn-sử-nô của Hà Nội vẫn rao to lên rằng “Bác ta” uyên bác vô cùng, lâu thông đủ thứ ngôn ngữ. “Chính Bác ta đã viết Bản án chế độ thực dân Pháp ký tên Nguyễn Ái Quốc đây” !

Việt kiều ở Paris vào thời kỳ ấy ai cũng biết tác giả chính là Luật sư Phan Văn Trường, còn Hồ Chí Minh (lúc ấy đã tự xưng Nguyễn Ái Quốc) thời gian đó chưa thông tiếng Pháp, làm sao viết nổi. Chính Trần Dân Tiên (Hồ viết bài tự khen mình và ký bút hiệu này) trong “Những mẩu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ tịch” đã công nhận rằng “Hồ chưa viết được tiếng Pháp” và học tiếng Pháp với cô sen. Vậy mà cũng nêu được một huyền thoại!

Những người tích cực giúp đỡ vật chất lẫn tinh thần nhiều nhất cho Nguyễn Tất Thành là Phan Chu Trinh, Luật sư Phan Văn Trường và sau có thêm Kỹ sư hóa học là Nguyễn Thế Truyền, vốn có nhiều uy tín trong giới người Việt cư ngụ tại Pháp. Kỹ sư Truyền đã dìu dắt, giới thiệu với mọi người và cho cộng tác để xuất bản tờ “Việt Nam Hồn”. Nhờ đó Nguyễn Ái Quốc có thêm cơ hội tạo uy tín cá nhân, được giới chính trị Pháp lưu ý, cho gia nhập đảng Xã Hội

Pháp và phụ giúp cho tờ “Le Populaire” cơ quan ngôn luận của Đảng.

### **A3) HỒ CHÍ MINH ĐI THEO ĐỆ TAM QUỐC TẾ CỘNG SẢN**

Một thời gian sau, Nguyễn Ái Quốc được cho đi tham dự Đại hội Đảng ở Tours vào năm 1920. Tại đây Quốc đã bỏ phiếu tán thành chủ nghĩa Đệ Tam quốc tế Cộng Sản.

Kể từ đó, Nguyễn Ái Quốc ly khai với ông Nguyễn Thế Truyền cùng các ân nhân khác tại Paris. Trong lúc mọi người tiếp tục đấu tranh cho Quốc gia Dân tộc Việt Nam thì Nguyễn Ái Quốc lại lao mình xả thân cho Cộng Sản Quốc Tế.

Sau Thế Chiến 1914-1918 kết thúc Cách mạng Vô sản Nga thắng lợi, chủ nghĩa Cộng Sản bành trướng khắp nơi, nhất là tại Pháp, Nguyễn Ái Quốc chớp thời cơ tích cực làm tay sai cho Đệ Tam quốc tế Cộng Sản. Như điều gặp gió, bắt cháp chính tà, Quốc gia Dân Tộc, Nguyễn Ái Quốc chỉ nhằm thỏa mãn riêng tư trong cuộc đời trôi sông lạc chợ. Lúc bấy giờ Nguyễn Ái Quốc núp sau những nhà ái quốc Việt Nam để lợi dụng Hội Việt Kiều và tự gán cho mình hậu thuẫn nên dư luận ở Pháp chú ý và Nguyễn Ái Quốc đã trở thành một thành viên của Đảng Cộng Sản Pháp vào năm 1920.

Đảng Cộng Sản Pháp là một phân bộ đảng Cộng Sản của Nga, nên chỉ biết Nga là Tổ Quốc, Marx-Lénin là Tổ phụ, còn tổ quốc mình, Nguyễn Ái Quốc liệt vào hàng thứ yếu.

Từ khi mang tên Nguyễn Ái Quốc, gây được sự tín nhiệm của Đảng Cộng Sản Pháp. Nguyễn Ái Quốc bắt đầu thời kỳ dứt khoát với quá khứ.

Nguyễn Ái Quốc chấp nhận dâng hiến cuộc đời cho Cộng Sản Quốc Tế, tuyệt đối trung thành với chủ thuyết Duy Vật Biện Chứng, lập trường vô sản chuyên chính đã thâm sâu vào con người Nguyễn Ái Quốc, nên được Đảng Cộng Sản Pháp cho sang Nga nhập học Trường Công Nhân tại Mạc Tư Khoa

.Trường đào tạo tay sai cho thực dân Trắng khước từ Nguyễn Tất Thành. Thì nay trường đào tạo tay sai cho thực dân Đỏ lại đón nhận Nguyễn Ái Quốc. Nên tại đây, Nguyễn Ái Quốc tỏ ra là một học sinh xuất sắc, chịu khó, chăm chỉ học tập chủ nghĩa Marx Lénin và chiến thuật của Cộng sản.

Sau khi trở lại Pháp Nguyễn Ái Quốc (không còn là Ái Quốc) tích cực hoạt động phục vụ cho Đảng Cộng Sản Pháp, nên lại được cử đi dự Đại-hội Cộng Sản Quốc-tế năm 1922 với tư cách Đại-biểu cho Đảng Cộng Sản thuộc địa.

Năm 1923 Nguyễn Ái Quốc mang tên Chen Vang được đưa sang Nga một lần nữa tham dự Đại Hội Nông Dân Quốc Tế.

#### **A4) HỒ CHÍ MINH ĐẾN TRUNG QUỐC**

Lần này Nguyễn Ái Quốc ở lại Nga một thời gian khá lâu để học hỏi kinh nghiệm đấu tranh và phương pháp Tổ Chức Cộng Sản ở các nước thuộc địa. Sau đó nhận công tác làm tay sai cho đế quốc Cộng Sản Quốc Tế.

Năm 1924, Nguyễn Ái Quốc, được cử sang Trung Quốc để chính thức bắt đầu dâng hiến cuộc đời cho Cộng sản, gọi là “Sự nghiệp cách mạng” với chủ đích du nhập chủ nghĩa Cộng Sản vào Việt Nam và cũng là giai đoạn có nhiều biến cố liên tiếp tại Việt Nam. Lần đầu tiên Nguyễn Ái Quốc, tháp tùng phái bộ Nga dưới sự điều khiển của Borodine (Sử Trung Quốc dịch âm là Pháo La Đình) hoạt động vùng Hoa

Nam, mang thông hành giả, quốc tịch Trung Hoa, lấy tên là Lý Thụy, bí danh là Vương Sơn Nhi để đánh lừa chính quyền địa phương Quốc Dân Đảng, đồng thời che dấu mặt nạ Cộng sản để thu hút số đông thanh niên khắp các nước Đông Nam Á đến học quân sự, chính trị tại trường Hoàng Phố. Phần lớn những thanh niên đến học này là người Việt Nam đã là thành viên những Tổ chức, Đoàn thể Quốc Gia. Sau khi Nguyễn Ái Quốc tức Lý Thụy được Cộng Sản Nga tin nhiệm cử đi hoạt động khắp các nước Đông Nam Á và chọn Quảng Châu (Trung Quốc) làm trung tâm, đội lốt người Quốc Gia yêu nước, Lý Thụy đã tìm cách làm thân với số đông nhằm lôi cuốn những thanh niên trong các tổ chức này. Lý Thụy chinh phục giới trẻ vì dư biết số người cao niên đã tiếm nhiệm tinh thần Nho Giáo khó tin vào chủ nghĩa Mác Xít còn mới mẻ.

Lý Thụy đã bỏ ra nhiều thời gian để tích cực tuyên truyền quảng bá Cách mạng Nga, lý thuyết Mác-Xít, đấu tranh giai cấp..v.v.. Lý luận của Thụy đã tác động mạnh vào một số đông thanh niên Việt Nam hải ngoại. Thời gian này, Thụy khởi công gây dựng Việt Nam Thanh niên Cách mạng Đồng Chí Hội. Thụy tuyển chọn người xuất sắc vào Ban Lãnh Đạo Trung Ương, chỉ định đoàn viên đưa về Việt Nam bí mật hoạt động và tuyển mộ thêm hội viên, tổ chức thành những tiểu tổ, bành trướng dần chủ nghĩa Cộng Sản.

Năm 1927, tại Trung Quốc, sau khi Tưởng Giới Thạch ra lệnh tiêu diệt Cộng Sản, chặn đứng các cuộc vận động của Nga trên đất nước Trung Hoa và khắp Á Đông, trưởng phái bộ Nga là Michael Borodine từng là cố vấn chính trị cho Trung Hoa Quốc Dân Đảng từ thời Tôn Văn, vội vàng rời khỏi Trung Hoa mang theo tất cả đồ đạc, trong đó có Lý

Thụy. Lý Thụy cũng vội vàng khuyến cáo các đảng viên thanh niên mạnh ai nấy tìm cách thoát thân về nước và giữ vững tinh thần cách mạng.

Trước khi lên đường về Nga, Lý Thụy đã chọn một thanh niên nông cốt gài lại Trung Quốc tên là Hồ Tùng Mậu tức Hồ Bá Cự, giao phó trách nhiệm điều khiển Việt Nam Thanh Niên Cách Mạng Đồng Chí Hội. (Năm 1946, Hồ Tùng Mậu được Hồ Chí Minh phong chức Chủ tịch Ủy ban Hành chánh Kháng chiến Liên khu IV, Thanh Nghệ Tĩnh – Bình Trị Thiên). Nhưng chẳng bao lâu sau Hồ Tùng Mậu bị Trung Hoa Quốc Dân Đảng bắt. Người thừa kế Mậu là Lâm Đức Thụ tức Nguyễn Công Viễn, nhưng Thụ lại là người có nếp sống tiểu tư sản không phải là người cách mạng chính trị nên một số đảng viên bất hợp tác. Hơn nữa, Lâm Đức Thụ có tư tưởng hữu khuynh nên bắt đầu có sự chia rẽ: Hai, ba nhóm Cộng Sản tranh chấp nhau, dần dần đưa đến suy sụp từ Trung Hoa đến Việt Nam.

Trở về Nga Sô, Nguyễn Ái Quốc được Đệ Tam Quốc Tế tại Mạc Tư Khoa phái sang Bá Linh hoạt động cho Liên Hiệp Phản Đế, rồi đến Vọng Các là nơi đặt trụ sở Nam Hải Vụ thay vì Đông Á Vụ của Đệ Tam Quốc Tế vốn đang gặp phải khó khăn. Thủ đô Xiêm cũ (Thái Lan) là nơi tập trung nhiều Hoa kiều, Việt kiều trú ngụ chiếm gần hết miền Đông Bắc giáp Lào.

Nhưng sau đó Staline nhận thấy không thể bỏ trống căn cứ hoạt động trên lãnh thổ Trung Hoa, đã cử một bộ phận đến Thượng Hải để lo xây dựng lại cơ sở Cộng Sản trong đó có Nguyễn Ái Quốc và một nhân vật khác là Lê Hồng Phong.

Pháp, làm sao viết nổi. Chính Trần Dân Tiên (Hò viết bài tự khen mình và ký bút hiệu này) trong “Những mẩu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ tịch” đã công nhận rằng “Hò chưa viết được tiếng Pháp” và học tiếng Pháp với cô sen. Vậy mà cũng nêu được một huyền thoại!

Những người tích cực giúp đỡ vật chất lẫn tinh thần nhiều nhất cho Nguyễn Tất Thành là Phan Chu Trinh, Luật sư Phan Văn Trường và sau có thêm Kỹ sư hóa học là Nguyễn Thế Truyền, vốn có nhiều uy tín trong giới người Việt cư ngụ tại Pháp. Kỹ sư Truyền đã dìu dắt, giới thiệu với mọi người và cho cộng tác để xuất bản tờ “Việt Nam Hồn”. Nhờ đó Nguyễn Ái Quốc có thêm cơ hội tạo uy tín cá nhân, được giới chính trị Pháp lưu ý, cho gia nhập đảng Xã Hội Pháp và phụ giúp cho tờ “Le Populaire” cơ quan ngôn luận của Đảng.

Nhân cơ hội này, Nguyễn Ái Quốc lại có dịp trở lại Hoa Nam gặp được các đồng chí cũ, đã thông tư tưởng, kêu gọi sự hợp nhất lại thành một đảng.

Năm 1930, lần đầu tiên Đảng Cộng Sản Việt Nam được thành lập tại Hương Cảng. Năm 1931, theo lệnh của Staline phải đổi tên là Đảng Cộng Sản Đông Dương nhằm mở rộng tầm hoạt động luôn cả Lào Miên do Lê Hồng Phong lãnh đạo.

Tháng 6 năm 1931, Nguyễn Ái Quốc bị người Anh bắt tại Hương Cảng nhưng chỉ một năm sau được tha.

Có dư luận cho rằng Quốc thỏa thuận với mật thám Anh thả ra, Quốc sẽ giúp lại một việc quan trọng nào đó và cũng là để dễ bề cộng tác với mật thám Anh. do vậy mà cơ quan ngôn luận BSO Daily Worker đăng tải tin “Nguyễn Ái



Quốc đã chết vì bệnh lao trong khám đường Hương Cảng”. Từ đó Hồ im hơi lặng tiếng ai cũng tin là Quốc đã chết, kể cả mật thám Pháp.

Lịch sử đã chứng minh :

– Kể từ ngày Hồ Chí Minh được sinh ra (1890) đến ngày Hồ Chí Minh xuống tàu qua Pháp (1911), toàn dân Việt Nam phải trải qua các cuộc đấu tranh gian khổ, để giải thoát cho người dân Việt khỏi tai ách dưới cảnh áp bức, đô hộ của thực dân Pháp. Các nhà khoa bảng, khi thành danh cũng bỏ tất cả vinh hoa, phú quý, quyền cao, chức trọng, dấn thân vào con đường cách mạng chống ngoại xâm, bằng đủ mọi hình thức để rồi đón nhận sự trả thù độc ác; bằng những án khổ sai lưu đày nơi Côn Đảo, những trận tra tấn dã man... một hành động khác của thực dân Pháp ghê rợn hơn nữa là chém ngang lưng, chém đầu, bêu đầu khắp xóm làng, chợ búa... Mặc dù thực dân Pháp dùng đủ mọi thủ đoạn tàn bạo để trấn áp, nhưng các cuộc đấu tranh giành độc lập, tự do của toàn dân Việt vẫn tiếp diễn làm cho thực dân Pháp điên đảo...

– Trong lúc đó, Nguyễn Tất Thành (Hồ Chí Minh) ở Pháp làm đơn xin học trường Thuộc địa với hoài bão làm tay sai cho thực dân Pháp. Khi xin học bị từ chối, Nguyễn Tất Thành xoay qua làm tay sai cho đế quốc Cộng sản Liên Xô và theo lệnh Liên Xô phải đi tuyên truyền cho Chủ nghĩa Cộng sản khắp các nước như Pháp, Đức, Xiêm, Trung Hoa, Hồng Kông... Sau đó bị nhà cầm quyền Anh ở Hồng Kông bắt giữ (1931).

\*

\* \*

## B1) CÁC CUỘC ĐẤU TRANH CHỐNG PHÁP TIẾP TỤC

Hồ Chí Minh hoạt động theo lệnh Cộng sản Quốc tế, trong thời gian đó tại quê nhà, phong trào chống thực dân Pháp vẫn tiếp tục càng lúc càng mạnh, càng quyết liệt :

Năm 1894, Pháp chịu điều đình và thuận nhượng bộ cho Đê Thám. Tổng số gồm 22 làng ở vùng Phồn Xương để lập đồn điền và khai khẩn ruộng đất. Nhưng hai năm sau, một lần nữa Đê Thám lại khởi binh chống quân Pháp và bọn tay sai.

Năm 1898, Pháp lại thương lượng, cam đoan không xâm nhập vùng Yên Thế và chịu nhượng bộ nhiều điều kiện khác với Hoàng Hoa Thám.

Năm 1905, Đê Thám lại tiếp tục đẩy mạnh phong trào chống Pháp. Cuối cùng Pháp dùng Tri huyện Lương Văn Phúc, cùng bố nuôi là Lương Tam Kỳ, cựu Thủ lĩnh Thổ phỉ Tào ở vùng Thái Nguyên, cho 3 tên giết mướn người Hoa xin gia nhập lực lượng của Đê Thám, rồi thừa khi Đê Thám đang ngủ, chúng đâm chết vào lúc rạng sáng ngày 18-03-1913, tức là ngày 10 tháng 2 Âm lịch, cách chợ Gò 2 cây số. Bọn chúng chặt đầu Đê Thám đem treo lên trước chợ Nhã Nam suốt 2 ngày.

Năm 1913, quân Pháp không đàn áp được cuộc chiến do Đê Thám lãnh đạo. Ông Đê Thám là một nhân tài, khéo dụng binh, nhiều mưu lược lại thêm có các tướng tài giỏi, như Cả Trọng (con trai), Cả Định, Cả Huỳnh, Bà Chiêu, cùng người vợ là Đặng Thị Nhu phụ lực nên thanh thế rất vững mạnh và lẫy lừng.

Hoàng Hoa Thám tức là Đê Thám, sinh năm 1846, người phủ Yên Thế, tỉnh Bắc Giang. Cả cuộc đời Đê Tham cùng

gia đình vợ con đều một lòng chống thực dân Pháp đến hơi thở cuối cùng.

Năm 1913, viên Khâm Sứ Trung Kỳ Mahé đào mỏ vua Tự Đức để tìm vàng bạc châu báu. Việc này làm vua Duy Tân phần uất và nhân tâm xao xuyến, nguyên rủa

Tháng 4-1913 Nguyễn Khắc Cần và Nguyễn Văn Tráng, đảng viên cách mạng ở hải ngoại về ném bom ở Thái Bình, giết Tuần Phủ Nguyễn Duy Hàn. Tiếp theo sau đó ném lựu đạn giữa khách sạn “Hà Nội Hotel” ở Hà Nội giết chết hai sĩ quan Pháp Monlgrand và Chapuis và làm nhiều người bị thương. Mục đích là cảnh cáo người Pháp phải sửa đổi lại chính trị ở Việt Nam. Sở Mật thám Pháp khám phá ra rằng chính Tổ chức Việt Nam Quang Phục Hội của Phan Bội Châu và Cường Để mới thành lập ở Quảng Đông đã tổ chức cuộc ám sát này.

Một kế hoạch đánh Pháp bị phát giác ở Nam Kỳ do ông Gilbert Chiêu chủ xướng. Chính phủ thực dân lập Hội Đồng Đề Hình tại Hà Nội để xử những đảng viên cách mạng. Tất cả 120 người bị bắt, Hội Đồng ấy họp Hội chính ra phán quyết làm mười bốn (14) án tử hình, trong số đó bảy người bị chém (Vụ ném bom ở Thái Bình và Hà Nội) và bảy người tử hình vắng mặt, trong số khuyết tịch ấy có bốn ông: Phan Bội Châu, Cường Để, Vũ Ngọc Thụy tức Hàn Lĩnh và Nguyễn Ngọc Quyến.

– Tháng 9/1913 Chính phủ thực dân Pháp đút lót Tổng Đốc tỉnh Quảng Đông là Long Tế Quang bắt cóc Phan Bội Châu giam lại và định giải về Đông Dương, nhưng nhờ đảng cách mạng Trung Hoa giúp thoát nạn.

– Năm 1914-1915: Nhân lúc Âu Châu chiến tranh, đảng cách mạng Việt Nam hoạt động ráo riết.

– Ngày 20-10-1914, Trương Nhi đánh phá đồn Lục Nam.

– Ngày 13-3-1915, Nguyễn Hải Thần, Hoàng Trọng Mậu và Phan Bội Châu mộ quân từ biên giới Quảng Tây về đánh đồn Tà Lùng, Cao Bằng, biên giới Hoa Việt.

– Ngày 28-9 chính trị phạm phá ngục Lao Bảo.

Tháng 5-1916, vua Duy Tân cùng hai nhà chí sĩ Thái Phiên và Trần Cao Vân mật mưu khởi nghĩa ở Huế, có lính tập và lính mộ của Tây giúp sức.

#### Diễn Tiến Cuộc Khởi Nghĩa Của Vua Duy Tân

Vào khoảng tháng 9 năm 1915, theo sự yêu cầu khởi nghĩa của đảng bộ Quảng Ngãi, đại biểu các tỉnh về tham dự đại hội ở Phú Xuân (Huế) để bàn luận một kế hoạch thực hiện. Các đại biểu tham dự đại hội này có:

Quảng Ngãi có các đại biểu: Nguyễn Thúc, Lê Ngung, Lê Triết, Nguyễn Nậm

.Quảng Nam có các đại biểu: Thái Phiên, Đỗ Tư, Trần Cao Vân, Phan Thành Tài.

Thừa Thiên: Đoàn Bổng đại diện.

Quảng Trị: Nguyễn Chánh đại diện.

Đại hội tổ chức tại nhà ông Đoàn Bổng ở đường Đông Ba (Huế). Đại hội cử ông Thái Phiên làm Chủ Tịch cuộc khởi nghĩa. Sau mấy ngày thảo luận, bàn bạc, đại hội đi đến quyết định: Rước vua Duy Tân tham gia vào cuộc khởi

nghĩa để yên lòng dân chúng và phân công tác chịu trách nhiệm:

– Ông Thái Phiên và ông Trần Cao Vân phụ trách liên lạc trực tiếp Vua Duy Tân.

– Ông Lê Ngung phụ trách soạn thảo tờ hịch và chương trình hành động.

– Ông Nguyễn Thúc và Ông Lê Đình Dương (Y Sĩ) chịu trách nhiệm đi thương lượng với cố đạo Bàn Gốc để nhờ giới thiệu với viên quan tư người Đức ở Mang Cá, Huế.

– Ông Nguyễn Chánh, Ủy viên, chịu trách nhiệm kiểm soát.

Chỉ thị Đại diện các tỉnh cần phải cấp tốc vận động binh lính và dân chúng sẵn sàng tham gia khi cuộc khởi nghĩa phát lệnh khai hỏa.

#### Họp Đại Hội Lần Thứ Hai Ở Phú Xuân

Vào khoảng trung tuần tháng 3 năm 1916, Việt Nam Quang Phục Đảng (Trung Bộ) tổ chức Đại hội lần thứ hai ở Phú Xuân, Huế để nghe báo cáo soát xét về tình hình, kiểm điểm lại các lực lượng, duyệt lại bản chương trình và định kế hoạch hành động.

Soát xét về lực lượng, Đại hội thấy rằng lực lượng cũng tạm đủ. Quảng Nam, Quảng Ngãi cơ sở vững chắc, lực lượng mạnh, còn có tổ chức một lực lượng trung kiên cho cuộc khởi nghĩa, Thừa Thiên có lính Khố Vàng, Đội lính Khố Xanh, Đội lính Tây do một viên Thiếu Tá người Đức chỉ huy ở Mang Cá và một Đội lính mới ước chừng độ 1,000 người để đưa qua Pháp. Đội quân này chịu ảnh hưởng cách mạng nhiều nhất. Ngoài ra còn một số quan lại

viên chức và nhân dân xung quanh Huế và miền quê tham gia.

Quảng Trị: Có Đội lính Khố Xanh do các ông Quản Thiệu, Quản Nguyên chỉ huy, tổ chức dân chúng rất mạnh, do ông Khóa Bảo cầm đầu.

Quảng Bình: Chỉ có một số ít đồng chí. Còn các tỉnh miền Nam lực lượng không mạnh lắm, nhưng nhờ tinh thần chống Pháp của dân chúng. Kế hoạch khởi nghĩa được hoạch định như sau:

1. Tổng phát động khởi nghĩa ở khắp các tỉnh, trước lúc khởi nghĩa, Huế sẽ nổ thần công làm hiệu lệnh báo cho tỉnh Bình Trị biết; đồng thời nỏ lửa ở đèo Hải Vân để báo cho tỉnh Nam Ngãi biết.

2. Huy động các đạo quân cùng dân chúng chiếm kinh đô Huế, liên lạc trực tiếp với quan tư người Đức đóng ở Mang Cá, xin làm tiếp viện.

3. Chiếm Đà Nẵng để mở đường giao thông với Đức Phổ và các vùng lân cận.

4. Nếu cuộc tấn công bất lợi thì đánh lui, đạo quân Quảng Nam sẽ rút về phía Tây chiếm miền rừng núi Ba Nà, Đạo quân Quảng Ngãi sẽ kéo lên miền rừng núi Gia Rai (Pleiku).

5. Các tỉnh miền Nam Trung Kỳ vì lực lượng ít ỏi, sẽ vận động quần chúng nổi dậy hưởng ứng lúc nào quân cách mạng kéo tới.

Đại hội quyết định ngày 01 tháng 04 Âm lịch (tháng 5 năm 1916) tổng khởi nghĩa. Đại hội đồng thuận bầu Ủy Ban Khởi Nghĩa gồm có các nhân vật chính sau đây:

Huế : Ông Thái Phiên, Trần Cao Vân.  
Quảng Nam : Ông Phan Thành Tài, Đỗ Tư.  
Quảng Ngãi : Ông Lê Ngung.

Tất cả công việc sắp đặt, phân công đầu vào đó, chỉ đợi ngày khởi sự nhưng...

#### Một Sự Thất Bại Đau Đớn

Vì tình riêng, ngày 30, một viên Cai Khố Xanh có chân trong Đảng cách mạng tên là Võ Cử đóng ở đồn Quảng Ngãi bị đổi đi Đức Phổ; Cử có dặn với người em họ là Trung làm lính gián ở dinh Ông An nên về nhà dừng lại dinh. Trung không hiểu vặn hỏi. Vì thương em, Cử đành nói sự thật, Trung vâng lời, chiều hôm ấy đến xin phép viên Án Sát Phạm Liêu về nhà.

Thấy sắc mặt Trung khác mọi ngày và điệu bộ khả nghi, Liêu liền gạn hỏi. Biết không thể dấu được, Trung bèn thú thật. Liền đó, Liêu đưa Trung qua báo Sứ, lập tức Cử bị đưa về tra hỏi. Bị tra cực hình, Cử liền khai Thiểm và Cẩn, Cẩn là tùy phái tòa sứ được đảng giao cho trọng trách đầu độc viên Công Sứ. Còn Thiểm, Cai lính Khố Xanh được đảng cử làm Giám Binh, đứng đầu việc chỉ huy trại lính, Thiểm và Cẩn bị bắt, tra khảo song không chịu khai ai cả.

Chiều mùng Một, binh lính Việt Nam bị lộ khí giới và bị tống lao. Thành phố thiết quân luật, lính Pháp đi tuần xét các ngã đường. Đến giờ đã định, dân chúng kéo đến các địa điểm tập trung. Đội lính Khố Xanh ở Nghĩa Hành do đội Luân, Cai Xứ chỉ huy cũng kéo đến cách thành hai cây số nấp vào một chỗ. Nhưng đợi mãi không thấy đành phải rút về. Mấy ngày sau đó, nhiều người bị xét nhà, bị bắt và bị tra tấn cực hình. Cả thảy 14 người bị chém, trong đó có Lê

Ngung. Hơn 200 bị án khổ sai, đày đi Côn Lôn và Lao Bảo. Ở Quảng Nam cũng bị vỡ lở trước ngày bạo động. Nguyễn Đĩnh phản đảng, đem giấy má sổ sách báo với người Pháp. Đĩnh người An Quán, trước làm Tuần Phủ. Vì vậy, ở Hội An, Y Sĩ Lê Đình Dương bị bắt đưa vào Nam rồi đày lên Ban Mê Thuột. Ở Đà Nẵng, Phan Thanh Tài bị xét nhà. Tài trốn thoát nhưng sau bị bắt, và bị chém ngày 09-06-1916. Một số khí giới và quần áo sắm cho dân quân bị tịch thu. Cuộc bạo động ở Faifoo (Hội An) và Đà Nẵng vì vậy mà thất bại.

Người Pháp canh phòng rất ráo riết. Riêng ở Tam Kỳ, Phó Đảng chỉ huy dân quân đến vây Phủ và giết chết viên Đại Úy người Pháp. Hôm sau dân quân bị quân chính phủ Pháp dẹp tan. Kết quả hơn 100 án chết chém và một số đông bị đày đi Lao Bảo và Côn Lôn.

Ở Huế, tòa Khâm Sứ được tin có bạo động nên đã ra lệnh đề phòng ráo riết. Tuy vậy đối với Nam Triều họ vẫn giữ bí mật. Ngày mùng 1, Khâm Sứ Charles mật ban hành lệnh giới nghiêm như vậy mà Trần Cao Vân và Thái Phiên chẳng hay gì cả. Đêm mùng 1 rạng ngày mùng 2 tháng 4 năm Duy Tân thứ mười (03-05-1916) hai ông cùng Đội Xiêm tức Nguyễn Quang Siêu đến cửa Hòa Bình để đón Vua Duy Tân, nhà Vua lẩn ra khỏi hoàng thành không may lại gặp tên mật thám Nguyễn Văn Trứ làm Thông Phán Tòa Khâm. Liền đó, Vua bị lính đuổi theo, túng thế nhà Vua phải gói ẩn bỏ lại trên cầu Tràng Tiền rồi đánh lừa quân lính và theo Thái Phiên và Trần Cao Vân lẩn trốn. Tòa Khâm phái Phan Đình Khôi mang quân đi tìm nã, bắt được nhà Vua và Thái Phiên ở chùa Thiên Mụ, đưa về Huế và nhốt vào đôn Mang Cá.



Trần Cao Vân cũng bị bắt ở làng Hà Trung thuộc huyện Phú Lộc (Huế).

Ngày 17-05-1916, các Ông Trần Cao Vân, Thái Phiên, Phạm Hữu Khánh và hai tên thị vệ bị đem chém tại An Hòa, tỉnh Thừa Thiên, còn Vua Duy Tân sau mười ngày bị nhốt trong đôn Mang Cá (Huế), sau đó bị đày qua đảo Réunion ở Phi Châu.

Ở Quảng Trị cuộc bạo động cũng bị vỡ lở. Khóa Bảo bị bắt và bị tra tấn cực hình.

Quảng Bình và các tỉnh miền Nam đêm khởi nghĩa không xảy ra việc gì nên được yên tĩnh.

Quang Phục Đảng sau khi cuộc bạo động bị thất bại, phải tan. Ở Trung Hoa và Xiêm đảng chỉ còn rải rác một nhóm đồng chí sống nương nhờ với nhau để đợi thời.

– Một nhóm chí sĩ Nam Bộ mưu đồ khởi sự trước tôn Phan Xích Long làm Hoàng Đế, lấy lòng mộ đạo để hiệu triệu nhân tâm cho dễ. Có cuộc đánh phá khảm lớn Sài Gòn. Phan Xích Long chạy ra Phan Thiết thì bị bắt.

Pháp lập tòa án quân sự tại Sài Gòn (Chươngngng Lý Michel, Ủy viên Chính phủ Héron) xử cả thấy 70 vụ án chính trị gồm có 1,440 người.

Năm 1917, Ông Lương Ngọc Quyến ở Nhật Bản về đến Hương Cảng bị mật thám Anh bắt giao cho Pháp đưa về tòa án binh trên Cao Bằng xét xử về tội bạo động ở biên giới, rồi giải về đề lao Thái Nguyên giam giữ cực nghiêm.

Công sứ Darles sai dùi thẳng bàn chân mà xooe giầy xích, vì thế mà ông què hăn một chân. Tuy vậy, Ông cùng anh

em cách mạng (phần nhiều bộ hạ Đè Thám) giam trong đê lao, tìm cách cổ động binh lính về nghĩa ái quốc.

Đêm hôm 31-8 rạng ngày 1-9, Ông Đội Trịnh Văn Cấn tục gọi là Đội Cấn, tuy là thân binh của Pháp, nhưng từ lâu nay ấp ủ hoài bão giải phóng đất nước, giải thoát ách nô lệ thực dân. Ông kéo cờ khởi nghĩa tại trại lính Thái Nguyên.

Ông cướp kho bạc, thả tù nhân, treo cờ Việt Nam Quang Phục, chiếm giữ tỉnh Thái Nguyên được bảy ngày. quân Pháp tiến đánh, Ông Lương Ngọc Quyến, Quân sư của Nghĩa Quân, vì què không đi được, khẳng khái tự tử để cho anh em chiến sĩ rút lui, khỏi phải bận lòng vì mình. Ông Đội Cấn đánh nhau hăng hái rồi mới rút lui ra ngoài, ẩn hiện quanh miền Tam Đảo Yên Thế luôn trong mấy tháng. Hơn 300 quân tử trận, mòn mỏi, thế cùng lực kiệt, ông rút súng tự bắn vào mình chết, chứ không chịu nhục. Hai người vệ sĩ của ông cũng chết theo.

Trong mấy năm 1918-1922, ở hải ngoại thì các chí sĩ bốn ba lao khổ, mỗi người ẩn thân một nơi. Phan Bội Châu viết báo sinh nhai, thỉnh thoảng lại bôn tẩu sang Xiêm, khuyến khích những anh em đồn điền tập võ ở đây để chờ thời. Kỳ Ngoại Hầu vẫn lưu cư tại Nhật.

Tuy nhiên trong nước vẫn có những thanh niên ái quốc tự động sang Trung Hoa, sang Xiêm tham gia hoạt động cách mạng chống thực dân Pháp.

Năm 1924, Toàn Quyền Đông Dương Merlin đi công vụ bên Nhật, trở về đến Quảng Châu, các giới Pháp kiêu đặt tiệc tẩy trần ở khách sạn Victoria trong tô giới Sa Diện. Thanh niên chí sĩ Phạm Hồng Thái theo dõi mãi và về đến đây. Tối hôm 18 tháng 6 ném bom định giết Toàn Quyền

Merlin, nhưng tên này thoát hiểm. Phạm Hồng Thái không chịu để cho giặc Pháp bắt nên nhảy xuống sông Châu Giang tự tử. Hiện giờ vẫn còn mộ và bia Việt Nam liệt sĩ Phạm Hồng Thái ở Hoàng Hoa Cương cùng với 72 liệt sĩ Trung Hoa.

Phạm Hồng Thái tên thật là Phạm Thành Tích, sinh năm 1896 tại làng Ngọc Điền thuộc vùng Nghệ Tĩnh. Thân sinh là Phạm Thành Mỹ (Nguyên Huấn Đạo dưới triều Vua Tự Đức), từ bỏ chức tước theo phong trào Cần Vương chống Pháp.

Việc làm của Phạm Hồng Thái tuy không thành nhưng có ảnh hưởng rất lớn, nhờ đây mà các đoàn thể ái quốc trong nước đã gọi lại tinh thần yêu nước, xây dựng lại nhiều phong trào ái quốc, trong đó có Tâm Tâm Xã đã ra đời tại Quảng Châu, do Phan Bội Châu điều khiển.

Năm 1924-1925 là thời kỳ bắt đầu tổ chức đảng phái hoạt động chính trị.

Trong giai đoạn này, Hồ Chí Minh xuất hiện hoạt động cũng sử dụng chiêu bài yêu nước, chống Pháp giành độc lập. Nhưng thực chất là cán bộ Cộng sản Quốc tế được đào tạo tại Nga gửi đi hoạt động với tên Lý Thụy ngụy trang người Trung hoa.

Hồ Chí Minh dùng mọi thủ thuật lôi kéo những người Việt yêu nước. Xuyên nhập chi phối các Tổ chức với âm mưu ai không theo thì sẽ bị chỉ điểm mượn tay Pháp để tiêu trừ.

Hồ Chí Minh áp dụng nhiều chiến thuật để đoạt độc quyền yêu nước sau đó thực hiện chủ nghĩa Cộng sản vô thần phi dân tộc (Xem sách Bộ Mặt thật của Hồ Chí Minh)

Ngày 30-06-1925, Phan Bội Châu bị bắt ở Thượng Hải đưa về nước.

Phan Bội Châu sinh năm 1868, tại xã Đông Liệt, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An.

Từ năm 1903 đến 1925 nổi danh là một nhà tranh đấu chống thực dân Pháp qua phong trào Đông Du và Tổ Chức đấu tranh Việt Nam Quang Phục Hội.

Hồ Chí Minh cùng Lâm Đức Thụ (Nguyễn Công Viễn) lập mưu bán đứng Phan Bội Châu cho mật thám Pháp. Bởi vì sự vắng mặt của Phan Bội Châu khỏi sân khấu hoạt động Cách mạng ở Hoa Nam, Trung Quốc tạo cơ hội cho Hồ Chí Minh độc quyền thao túng.

Mấy tháng sau Pháp lập Hội Đồng Đền Hình lên án Phan Bội Châu bị tử hình rồi giảm xuống chung thân cấm cố.

Phong trào vận động ân xá cực kỳ sôi nổi. Toàn Quyền Varenne vừa sang nhậm chức, chấp thuận ân xá để lấy lòng dân Việt Nam rồi đưa ông vô Huế giam lỏng.

Paris có đảng Việt Nam Độc Lập do Nguyễn Thế Truyền tổ chức, thành phần sinh viên du học và giới tàu biển (dân Hàng hải Thương thuyền).

Năm 1926, Tân Việt Cách Mệnh Đảng, tức đảng Phục Việt cũ, hoạt động mạnh ở Hà Tĩnh và Sài Gòn, do ông Lê Văn Huân và Nguyễn Đình Kiện lãnh đạo.

Phan Tây Hồ tiên sinh vừa ở bên Pháp về Việt Nam được mấy tháng thì mất tại Sài Gòn, gây nên phong trào học sinh

bãi khóa và tự động làm lễ truy điệu cụ Tây Hồ lan rộng khắp trong nước.

Tại Sài Gòn, có phong trào đình công quan trọng ở Công Binh – Nhà Bè.

Năm 1927, Nam Đồng Thư Xã do nhóm thanh niên ái quốc Phạm Tuấn Tài và Nhượng Tống tổ chức, chuyên việc xuất bản những loại sách kích động lòng ái quốc. Do vậy, Việt Nam Quốc Dân Đảng, một đảng đầu tiên trong nước được thành lập, có tổ chức quy cũ và có đường hướng hoạt động rõ ràng đặt dưới quyền lãnh đạo của Nguyễn Thái Học và Nguyễn Khắc Nhu tức Xứ Nhu.

Đảng thành lập không bao lâu đã kết hợp được nhiều đảng viên và thành lập được nhiều Chi bộ bí mật hầu khắp miền Bắc, và bắt đầu phát triển về Trung Nam.

Trong khi đó tại Quảng Đông có đảng Việt Nam Toàn Quốc Cách Mệnh Đảng do Nguyễn Hải Thần lãnh đạo.

Năm 1928, Đảng Nguyễn An Ninh ra đời, có thanh thế nhất ở vùng Hóc Môn Bà Điểm.

\*\*\*

### **Việt Nam Quốc Dân Đảng Khởi Nghĩa**

Việt Nam Quốc Dân Đảng thành lập đầu năm 1926, gồm nhiều nhân vật được đào tạo ở các trường Pháp Việt, có trình độ về tân học. Các nhân vật lãnh đạo phong trào là thành phần xuất thân trong gia đình Nho giáo, nên thế hệ này đứng giữa hai thế hệ cựu học và tân học. Phong trào Quốc Dân Đảng giống các phong trào trước ở tinh thần chống Pháp và có sự tiến bộ ở tinh thần dân chủ, không

vọng ngoại, luôn luôn giữ tự chủ. Người chủ xưởng và lãnh đạo phong trào là Nguyễn Thái Học, một cựu sinh viên trường Sư Phạm. Phong trào gồm những đảng viên phần đông là tiểu công, tư chức, tiểu thương, tiểu chủ, quân nhân Việt trong quân đội Pháp. Một số khác là công nhân, nông dân và phụ nữ, đa số là đảng viên có học thức.

Lãnh tụ Nguyễn Thái Học có sáng kiến chia Quốc Dân Đảng làm hai nhóm hoạt động riêng biệt. Một nhóm bán công khai gồm những nhân vật mà mật thám Pháp vừa biết mặt vừa biết tên, chỉ có nhiệm vụ kinh doanh thương mại thông thường gây quỹ cho đảng và ngấm ngấm gây nhiệt khí trong nhân dân như mở quán cơm ngay giữa phố Hàng Bông Hà Nội, Việt Nam Hotel, là những nơi quần chúng thường lai vãng, tuyên truyền rỉ tai về tinh thần Quốc Gia Dân Tộc. Nhóm này hoạt động trước mặt mật thám Pháp, vì không có gì trái luật pháp, vừa là nơi tụ họp làm bình phong che đậy cho nhóm thứ hai hoạt động bí mật. Chiến thuật này đem lại kết quả đáng kể, nên Việt Nam Quốc Dân Đảng bành trướng rất nhanh. Đầu năm 1929, đảng có tới 150 tiểu tổ bí mật gồm 2,000 đảng viên. Nguyễn Thái Học và các lãnh tụ Việt Nam Quốc Dân Đảng hy vọng đôi ba năm sau có đủ nhân sự và phương tiện khởi nghĩa lật đổ Pháp. Nhưng tình hình xảy ra nhiều sự việc ngoài ý muốn nên Đảng bắt buộc phải khởi nghĩa sớm.

Nguyên nhân là một tên trùm thực dân Pháp là René Bazin đi mộ phu người Bắc cho đồn điền cao su Pháp ở Nam Kỳ, bị một thanh niên Việt Nam bắn chết ngay trước cửa nhà hắn, kèm theo một bức thư có mấy giòng chữ: “Mày là tên hút máu Việt Nam”. Cộng Sản tìm mọi cách đổ cho Việt Nam Quốc Dân Đảng là thủ phạm.

Thực dân Pháp có phản ứng tức khắc, bắt tất cả Đảng viên bán công khai của Việt Nam Quốc Dân Đảng đày đi Côn Đảo. Pháp thiết lập một Hội đồng Đè hình dưới quyền của Jules Brides với chiêu bài xét xử 217 người.

Ngày 02/07/1929, Brides kết án 76 người trong số 78 người bị truy tố. Có cả Nguyễn Thái Học bị án 20 năm khổ sai khuyết tịch. Tiếp theo đó, Cộng sản lại điềm chỉ cho thực dân Pháp săn đuổi, lùng kiếm các Đảng viên Việt Nam Quốc Dân Đảng bí mật ở khắp mọi nơi

Sự việc này vừa làm tan vỡ kế hoạch nổi dậy của Quốc Dân Đảng, vừa gây ảnh hưởng không đẹp đối với công nhân các đồn điền cao su của Pháp.

Một nguyên nhân khác :

Ba người của Việt Nam Quốc Dân Đảng là Nguyễn Ngọc Sơn, Hồ Văn Mịch và Nguyễn Văn Tiềm sang Xiêm (Thái Lan) móc nối mua vũ khí và đã tìm gặp người Việt tại Xiêm. Trong số đó có Hoàng Văn Hoan và Nguyễn Đức Quỳ. Hoan và Quỳ báo cáo với Hồ Chí Minh là V.N.Q.D.Đ có đưa người đến Xiêm tìm mua vũ khí để chuẩn bị tấn công quân Pháp. Hồ khuyên Hoan và Quỳ đừng dính vào việc nguy hiểm này trước khi Hồ từ Xiêm qua Tàu.

Ba người của V.N.Q.D.Đ từ Xiêm trở về Việt Nam, qua biên giới thì bị mật thám Pháp đón sẵn, bắt và đưa vào trại tù tra tấn, hỏi cung... Mật thám Pháp phát giác được âm mưu bạo động và tấn công quân Pháp của V.N.Q.D.Đ.

Câu hỏi được đặt ra :

Ai là kẻ báo cho mật thám Pháp biết hết mọi việc ?

Sự việc này lấy từ Hồi ký của Hoàng Văn Hoan “Giọt nước trong biển cả” cho phép ta trả lời là kẻ bán đứng V.N.Q.D.Đ cho mật thám Pháp. Hồ Chí Minh là người chuyên mượn tay thực dân Pháp để giết người không cùng phe cánh với Hồ Chí Minh (Cộng sản).

Hơn thế nữa, sự khởi nghĩa của V.N.Q.D.Đ , nếu thành công là một tai họa cho việc Hồ Chí Minh chủ trương áp đặt Chủ nghĩa Cộng sản trên đất nước Việt Nam.

Trước tình thế bắt buộc “Dù không thành công cũng thành nhân” Nguyễn Thái Học ra lệnh tổng khởi nghĩa vào ngày 10-02-1930 sau lại hoãn đến 15-02-1930. Vì giao thông khó khăn, lệnh hoãn không tới kịp đồn Yên Bái, nên đồn này đã khởi nghĩa đúng ngày 10-02-1930. Vì lộ mục tiêu nên bị Pháp thẳng tay đàn áp bắt bớ, ném bom xuống làng Cổ Am là nơi các lãnh tụ đang tụ họp. Hai tuần sau, cả guồng máy, lãnh đạo Quốc Dân Đảng bị Pháp bắt gần hết.

Sau vụ Pháp bắt bớ và hành quyết, một số đảng viên trốn thoát sang Trung Hoa tụ họp và thành lập lại Việt Nam Quốc Dân Đảng tiếp tục hoạt động. Nhân dịp Nhật đầu hàng, họ kéo nhau trở về Việt Nam cùng một lúc vừa chiến đấu chống thực dân Pháp trở lại chiếm Việt Nam, vừa chống Việt Minh Cộng Sản mới nhanh tay cướp đoạt chính quyền nên đã gặp nhiều khó khăn và trở ngại...

Xứ Nhu tuần tiết ở trận Lâm Thao, còn Thái Học thì đang lẩn tránh, nhưng mấy hôm sau bị bắt ở Hải Dương, đến ngày 17 tháng 6 lên đoạn đầu đài tại Yên Bái với Phó Đức Chính và các đồng chí khác có tên sau đây :

Những Anh Hùng Đã Hy Sinh



Ngày 27/2/1930, Hội đồng Đề hình xử cuộc bạo động của Việt Nam Quốc Dân Đảng tại Yên Bái.

- \* Xử tử 4 người :
1. Ngô Hải Hoàng, Quân nhân
  2. Nguyễn Thanh Thuyết, Quân nhân
  3. Đặng Văn Lương, Nông dân
  4. Đặng Văn Tiệp, Nông dân.

\* Bản án “chém đầu” ngày 8/3/1930 trước Lao xá Yên Bái với tội trạng tấn công trại binh Yên Bái.

Ngày 23/3/1930, Hội đồng Đề hình nhóm họp tại trại binh Yên Bái.

\* Xử tử 13 người :

1. Bùi Từ Toàn, Nông dân
2. Hà Văn Lão, Thợ xây cát
3. Phó Đức Chính, Giáo sư, Nhà cách mạng
4. Bùi Văn Chuẩn, Quân nhân
5. Nguyễn An, Quân nhân
6. Đào Văn Nhít, Quân nhân
7. Ngô Văn Du, Quân nhân
8. Nguyễn Đức Thịnh, Quân nhân
9. Nguyễn Văn Tiềm, Quân nhân
10. Đỗ Văn Sứ, Quân nhân
11. Nguyễn Như Liên, Học sinh
12. Bùi Văn Cửu, Quân nhân
13. Nguyễn Thái Học, Đảng trưởng V.N.Q.D.Đ.

\* Bản án “chém đầu” ngày 17/6/1930 tại sân vận động Yên Bái, về tội trạng tấn công trại binh Yên Bái.  
Ngày 26/5/1930, Hội đồng Đề hình nhóm họp tại Hội trường, Dinh Công sứ Phú Thọ :

\* Xử tử 5 người :

1. Nguyễn Văn Toại, Giáo sư Hán học
2. Phạm Nhận, Giáo sư Hán học
3. Trần Văn Hợp, Nông dân
4. Lê Xuân Huy, Nông dân
5. Bùi Xuân Mai, Nông dân

\* Bản án “chém đầu” ngày 22/11/1930, với tội trạng tấn công Hưng Hóa, Lâm Thao (Phú Thọ).

Ngày 5/8/1930, Hội đồng Đề Hình nhóm họp tại Pháp đình Hà Nội.

\* Xử tử 7 người:

1. Đoàn Trần Nghiệp, tức Ký Con
2. Lương Ngọc Tồn

3. Nguyễn Văn Nho (em Nguyễn Thái Học)

4. Nguyễn Quang Triều

5. Nguyễn Minh Luân

6. Nguyễn Trọng Bằng

7. Phạm Văn Khuê (Cai Khuê)

\* Bản án “chém đầu” tháng 11/1930, trước Nhà Pha Hỏa Lò Hà Nội, với tội trạng Ném Bom tại Hà Nội. Ngày 7/11/1930, Hội đồng Đề hình nhóm họp tại Hải Dương.

\* Xử tử 4 người :

1. Trần Quang Diệu

2. Vũ Văn Giáo

3. Trần Nhật Đồng

4. Nguyễn Văn Phú.

\* Bản án “chém đầu” ngày 23/6/1931 trước Lao xá Hải Dương, với tội trạng đánh phá huyện Vĩnh Bảo, giết Tri huyện Hoàng Gia Mô.

Ngày 7/11/1930, xử chung với vụ đánh phá Vĩnh Bảo, Hải Dương, nhưng sinh quán tại Hà Nội.

\* Xử tử 2 người :

1. Lê Hữu Cảnh

2. Nguyễn Xuân Huân.

\* Bản án “chém đầu” ngày 24/6/1931, trước Nhà Pha Hỏa Lò, với tội trạng là Ủy viên Chấp Hành Trung Ương của V.N.Q.D.Đ.

Tổng cộng 37 đầu rơi hoặc bị bắn, không đưa ra xử, sau đó thực dân Pháp chặt đầu, cắm cọc để thị oai dân chúng, như trường hợp 2 Quân nhân :

1. Cai Nguyên

2. Cai Tính.

Với tội trạng “phiến loạn”, tấn công đồn binh Yên Bái.

\* Lối gần 1.000 nam nữ anh hùng cách mạng lãnh án khổ sai, cấm cố, tù chung thân lưu đày Côn Đảo và các thuộc địa Pháp xa xôi.

**Nguyễn Thuyên**